

V/v: Công bố thông tin Bản cáo bạch
chào bán cổ phiếu ra công chúng

Thái Nguyên, ngày 05 tháng 11 năm 2019

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- Quý cổ đông

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT

Mã chứng khoán: TDT

Địa chỉ trụ sở chính: Xóm Thuận Pháp, xã Diềm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại: 02086 567 898

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Việt Thắng - Người được ủy quyền công bố thông tin

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát Triển TDT, trân trọng công bố thông tin Bản cáo bạch về chào bán cổ phiếu ra công chúng đến Ủy ban Chứng Khoán Nhà Nước và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội để thực hiện công bố thông tin ra công chúng theo quy định hiện hành.

3. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ: www.tdtgroup.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (để b/c)
- Ban Tổng GD (để b/c)
- Lưu TK, HĐQT.

Người được ủy quyền thực hiện công



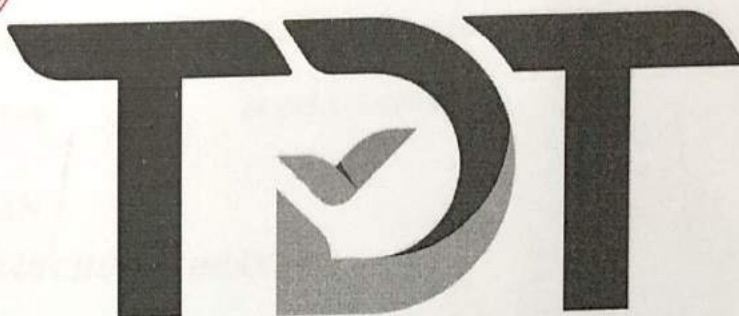
NGUYỄN VIỆT THẮNG

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT

(Giấy chứng nhận ĐKDN Công ty Cổ phần có mã số 4600941221 ngày 22 tháng 03 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp, thay đổi lần thứ 08 ngày 01 tháng 12 năm 2017)



CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số:.....112...../GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 31 tháng 10 năm 2019)

BẢN CÁO BẠCH VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT

Địa chỉ trụ sở chính: Xã Diềm Thụy, Huyện Phú Bình, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Điện thoại: 0208.6567898 Fax: 0208.3569898

TỔ CHỨC TƯ VẤN



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Trụ sở chính: 52 Lạc Long Quân, phường Bưởi, Tây Hồ, Hà Nội

Điện thoại: 024 3773 7070 Fax: 024 3773 9058

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ và tên: Ông Nguyễn Việt Thắng

Chức vụ: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Điện thoại: 0208.6567898

Fax: 0208.3569898

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT

(Giấy chứng nhận ĐKDN Công ty Cổ phần có mã số 4600941221 ngày 22 tháng 03 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp, thay đổi lần thứ 08 ngày 01 tháng 12 năm 2017)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Công Ty Cổ Phần Đầu tư và phát triển TDT
Mệnh giá	10.000 đồng/cổ phiếu
Giá bán	10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng chào bán	2.404.512 cổ phiếu
Tổng giá trị chào bán (theo mệnh giá)	24.045.120.000 đồng

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Trụ sở chính

Địa chỉ: 52 Lạc Long Quân - P. Bưởi - Q. Tây Hồ - TP. Hà Nội.

Điện thoại: 04.7737070/ 2717171 Fax: 024.7739058

Email: fptsecurities@fpts.com.vn Website: www.fpts.com.vn

Chi nhánh tại Tp Hồ Chí Minh

Tầng 3, Tòa nhà Ben Thanh Times Square, 136 - 138 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028. 6290 8686

Fax: 028. 6291 0607

Chi nhánh tại Tp Đà Nẵng

100 Quang Trung, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Điện thoại: 0511. 3553 666

Fax: 0511. 3553 888

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH PKF VIỆT NAM

Văn phòng Hà Nội: P.1501 Nhà 17T5 Hoàng Đạo Thúy Quận Thanh Xuân Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: +84 4 2221 0082

Fax: +84 4 2221 0084

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	6
1. Rủi ro kinh tế.....	6
1.1. Tình hình tăng trưởng kinh tế	6
1.2. Chính sách tiền tệ.....	7
1.3. Rủi ro tỷ giá.....	7
2. Rủi ro pháp luật.....	8
3. Rủi ro đặc thù.....	8
3.1. Rủi ro đặc thù ngành may mặc	8
3.2. Rủi ro về nguyên liệu	8
3.3. Rủi ro về công nghệ	8
3.4. Rủi ro lãi suất.....	9
4. Rủi ro của đợt chào bán, của việc sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán.....	9
5. Rủi ro pha loãng.....	10
6. Rủi ro về quản trị Công ty.....	11
7. Rủi ro khác	11
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	12
III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ THUẬT NGỮ VIẾT TẮT	12
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	13
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	13
1.1. Thông tin chung về Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển TDT.....	13
1.2. Quá trình hình thành và phát triển	14
2. Cơ cấu của công ty và bộ máy quản lý của công ty.....	15
2.1. Đại hội đồng cổ đông.....	15
2.2. Hội đồng quản trị.....	16
2.3. Ban kiểm soát	16
2.4. Ban Tổng Giám đốc	16
2.5. Các phòng, ban chức năng Công ty.....	17
3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại.....	23
3.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty ngày 15/05/2019	23
3.2. Danh sách cổ đông sáng lập:	23

4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành:	24
5. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty:	24
6. Hoạt động kinh doanh	25
6.1. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm	25
6.2. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực đầu tư, sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ chính của tổ chức phát hành	26
6.3. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ	26
6.4. Hoạt động Marketing	27
6.5. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền:	28
6.6. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết	29
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất	29
7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu hoạt động SXKD của Công ty trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất	29
7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo.	30
8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	31
8.1. Vị thế của Công ty trong ngành	31
8.2. Triển vọng phát triển của ngành	32
8.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty đối với định hướng của ngành, chính sách của nhà nước và xu thế chung trên thế giới	33
9. Chính sách đối với người lao động	34
10. Chính sách cổ tức	35
11. Tình hình tài chính	35
12. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	39
13. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng	40
13.1. Hội đồng quản trị	40
13.2. Ban Kiểm soát	48
13.3. Ban Tổng Giám đốc	51
13.4. Kế toán trưởng	52
14. Tài sản	52
15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo	52
16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	53
17. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu và giao dịch trên thị trường có tổ chức	54
18. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành	54

19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có hệ ảnh hưởng đến giá cổ phiếu chào bán 54

V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN..... 54

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN..... 63

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN 66

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN 67

IX. PHỤ LỤC 67

Năm 2017 được đánh giá là một năm khó khăn đối với thị trường chứng khoán Việt Nam, đặc biệt là thị trường chứng khoán niêm yết. Tổng chỉ số VN-Index năm 2017 giảm 1,2% so với năm 2016. Người dân đang chờ đợi sự phục hồi của thị trường chứng khoán Việt Nam và chờ đợi sự cải thiện của nền kinh tế Việt Nam.

TDT có năm 2017 tăng 2,08%, là một năm khó khăn đối với thị trường chứng khoán Việt Nam. Tổng chỉ số VN-Index năm 2017 giảm 1,2% so với năm 2016. Người dân đang chờ đợi sự phục hồi của thị trường chứng khoán Việt Nam và chờ đợi sự cải thiện của nền kinh tế Việt Nam.

Đến nay, nền kinh tế Việt Nam năm 2017 tiếp tục tăng trưởng ổn định, nhất là về lĩnh vực công nghiệp và xây dựng. Tổng chỉ số VN-Index năm 2017 tăng 2,08% so với năm 2016. Người dân đang chờ đợi sự phục hồi của thị trường chứng khoán Việt Nam và chờ đợi sự cải thiện của nền kinh tế Việt Nam.

Công chúng chúng tôi hiện vẫn đang chờ đợi sự phục hồi của thị trường chứng khoán Việt Nam và chờ đợi sự cải thiện của nền kinh tế Việt Nam.

Tổng chỉ số VN-Index năm 2017 tăng 2,08%, là một năm khó khăn đối với thị trường chứng khoán Việt Nam. Người dân đang chờ đợi sự phục hồi của thị trường chứng khoán Việt Nam và chờ đợi sự cải thiện của nền kinh tế Việt Nam.

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro kinh tế

1.1. Tình hình tăng trưởng kinh tế

Ngành dệt may là một trong những ngành chịu ảnh hưởng khá lớn từ tăng trưởng của nền kinh tế bởi nhu cầu may mặc phụ thuộc khá lớn vào thu nhập của người tiêu dùng. Trong khi đó, tăng trưởng kinh tế toàn cầu đang có dấu hiệu chậm lại và nhu cầu của người tiêu dùng cũng vì vậy mà suy giảm theo

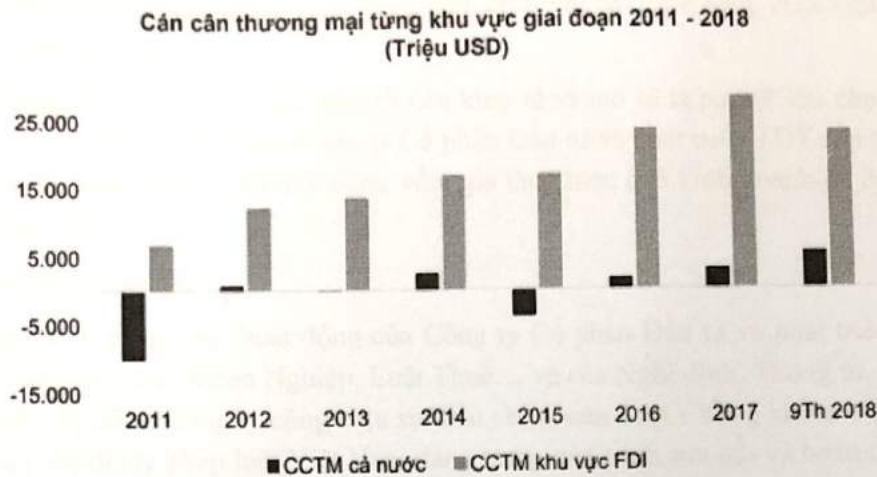
Năm 2019 được đánh giá là một năm kinh tế tích cực so với tình hình chính trị trên thế giới. Các hoạt động kinh tế đều ghi nhận sự khả quan hơn so với dự báo từ các nước phát triển cho đến mới nổi. Trong năm 2019, kinh tế thế giới phục hồi tốt, chỉ số tăng trưởng đạt 3,6% tăng 0,5% so với 2018. Ngoài những nước lớn như Mỹ, Trung Quốc, Châu Âu, Nhật Bản và những nền kinh tế được xem như có tốc độ tăng trưởng thấp cũng đã bứt phá và trở thành động lực thúc đẩy kinh tế thế giới khởi sắc.

GDP cả năm 2018 tăng 7,08%, là mức tăng cao nhất kể từ năm 2008 trở về đây. Năng suất lao động năm 2018 tăng 5,93% so với năm 2017, cao hơn nhiều mức tăng 5,29% của năm 2016 và xấp xỉ mức tăng 6,02% của năm 2017 do lực lượng lao động được bổ sung và số lao động có việc làm năm 2018 tăng cao.

Kinh tế - xã hội nước ta năm 2018 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại và tiềm ẩn yếu tố khó lường. Thương mại toàn cầu tăng chậm hơn dự báo do những thay đổi trong chính sách thương mại của Mỹ, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung ngày càng diễn biến phức tạp. Lạm phát toàn cầu những tháng đầu năm có xu hướng tăng cao hơn năm 2017 do giá năng lượng, đặc biệt là giá dầu bình quân tăng mạnh. Bên cạnh đó, căng thẳng thương mại giữa các nước lớn cùng với xu hướng gia tăng chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch có tác động đến sản xuất, xuất khẩu của Việt Nam và các nước trong khu vực. Ở trong nước, bên cạnh những thuận lợi từ kết quả tích cực trong năm 2017, nền kinh tế nước ta cũng đối mặt tình hình thời tiết diễn biến phức tạp, tác động đến giá lương thực, thực phẩm, ảnh hưởng tới mục tiêu kiểm soát lạm phát; giải ngân vốn đầu tư công đạt thấp.

Căng thẳng thương mại toàn cầu leo thang có thể dẫn đến suy giảm nhu cầu về các mặt hàng xuất khẩu, đồng thời thanh khoản trên toàn cầu bị thắt chặt có thể làm giảm dòng vốn đầu tư cũng như đầu tư nước ngoài.

Trong bối cảnh Hiệp định Hợp tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định Tự do Thương mại Việt Nam - EU (EVFTA) được thông qua. Trong khi dư địa chính sách tài khóa và tiền tệ còn hạn chế, Việt Nam vẫn dễ bị ảnh hưởng bởi những biến động bên ngoài. Nguyên nhân do Việt Nam phụ thuộc lớn vào FDI, theo đó, xuất khẩu của khu vực FDI năm 2018 chiếm tới 72% tổng kim ngạch xuất khẩu; tăng trưởng còn phụ thuộc nhiều vào các doanh nghiệp FDI lớn như Samsung, Formosa...



Nguồn: Tổng cục thống kê, FPTS Tổng hợp

1.2. Chính sách tiền tệ

Trong năm 2017, Ngân hàng Nhà nước đã mua ròng lượng lớn ngoại tệ. Dòng chảy tiếp tục lớn nửa đầu 2018. Con số gộp mua ròng giai đoạn này từng được đề cập tới khoảng 20 tỷ USD. Năm 2018, tăng trưởng tín dụng ước chỉ quanh 14%. Cơ chế gần như không nói chỉ tiêu cho các ngân hàng thương mại.

Bên cạnh đó, năm 2018, Nhà nước đặt kế hoạch điều hành đồng bộ, linh hoạt các công cụ chính sách tiền tệ với cách thức và thời gian hợp lý, phù hợp với diễn biến thị trường; phân đấu ổn định mặt bằng lãi suất, khi điều kiện cho phép sẽ giảm lãi suất cho vay đối với một số đối tượng và kỳ hạn cụ thể. Tuy nhiên, doanh nghiệp vẫn có thể gặp nhiều khó khăn khi tiếp cận nguồn vốn. Tính đến ngày 31/12/2018, tổng phương tiện thanh toán tăng 8,74% so với cuối năm 2017 (cùng kỳ năm 2017 tăng 9,59%). Huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 9,15%; tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 9,52%. Tín dụng tiếp tục đà tăng trưởng tốt thể hiện xu hướng phát triển tích cực và khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế.

1.3. Rủi ro tỷ giá

Tháng 5/2018, cuộc chiến thương mại giữa hai nền kinh tế lớn nhất thế giới Mỹ - Trung Quốc nổi lên, ảnh hưởng trực tiếp đến kinh tế toàn thế giới. Đồng Nhân dân tệ giảm giá 2,5% giá trị chỉ tính riêng trong tháng 5/2019 sau khi có sự khôi phục trong 4 tháng đầu năm 2019. Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) liên tiếp tăng lãi suất với căng thẳng đến tận tháng cuối cùng của năm 2018. Năm 2019, FED dự kiến sẽ tăng lãi suất thêm 2 - 3 lần, thì tỷ giá sẽ tăng khoảng 0,4%, lạm phát tổng thể Việt Nam sẽ tăng khoảng 0,06%.

Đó cũng là khoảng thời gian tỷ giá USD/VND bắt đầu biến động, có những thời điểm căng thẳng, kéo dài đến cuối tháng 10. Mục tiêu ổn định tỷ giá chịu áp lực lớn, Ngân hàng Nhà nước có những đợt bán ra ngoại tệ, và vừa qua nghiệp vụ bán kỳ hạn một lần nữa được thực hiện.

Nhưng tính chung, kết năm, Ngân hàng Nhà nước vẫn mua ròng được lượng lớn ngoại tệ, dự trữ ngoại hối quốc gia tăng mạnh; tỷ giá USD/VND cơ bản ổn định, không có xáo trộn lớn; thị

trường vàng lặn sóng; lãi suất vẫn được bình ổn trong bối cảnh hàng chục ngân hàng trung ương trên thế giới phải tăng.

Nhìn chung những tín hiệu tích cực từ nền kinh tế vĩ mô sẽ là cơ hội lớn cho các doanh nghiệp trong việc mở rộng phát triển. Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển TDT cần tận dụng thời cơ và chuẩn bị kỹ càng phương án huy động vốn, gia tăng hiệu quả kinh doanh để đạt được kết quả tốt trong năm 2019.

2. Rủi ro pháp luật

Là công ty cổ phần, mọi hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển TDT đều chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh Nghiệp, Luật Thuế... và các Nghị định, Thông tư, văn bản hướng dẫn dưới luật. Ngoài ra Công ty cũng chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán và văn bản liên quan. Hiện nay, hệ thống pháp luật Việt Nam đang trong quá trình sửa đổi và hoàn thiện, việc vận dụng không phù hợp và không kịp thời sẽ tạo ra những rủi ro pháp lý trong hoạt động kinh doanh của Công ty, đặc biệt là những quy định, thủ tục liên quan đến cấp phép đầu tư vào các dự án mà Công ty tham gia. Việc chủ động nghiên cứu, nắm bắt và áp dụng các quy định hiện hành để đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp sẽ giúp công ty hạn chế được những rủi ro này.

3. Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro đặc thù ngành may mặc

Hoạt động trong ngành May mặc lâu năm là lợi thế của Doanh nghiệp tuy nhiên những rủi ro đặc thù ngành vẫn luôn hiện hữu và ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Rủi ro đặc thù nhất của ngành May mặc nói chung và doanh nghiệp nói riêng là sự biến động trong cơ cấu lao động. Ngành dệt may luôn cần nguồn lao động rất lớn, đặc biệt là khâu gia công hàng may mặc. Các doanh nghiệp trong ngành luôn thay đổi các chính sách dành cho người lao động và việc duy trì nguồn nhân công ổn định là rất khó đặc biệt là trước các doanh nghiệp dệt may FDI nước ngoài.

3.2. Rủi ro về nguyên liệu

Hầu hết nguồn nguyên liệu tại thị trường Việt Nam là nguyên liệu nhập khẩu do nguồn cung trong nước không đủ nguồn cung ứng và/hoặc không đáp ứng được chất lượng theo tiêu chuẩn. Vì lý do đó bất cứ biến động nào về giá nguyên liệu, chất lượng nguyên liệu đều tác động không nhỏ đến tình hình sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp.

Ngoài các nguồn nguyên liệu chính, các nhiên liệu tham gia vào quá trình sản xuất cũng mang theo rủi ro đến cho doanh nghiệp ngành may mặc như nước sản xuất. Theo Hiệp hội dệt may Việt Nam (VITAS) ngành dệt may Việt Nam phải đối mặt với tình trạng thiếu nguồn cung nước vào mùa khô, đồng thời chất lượng nước không đảm bảo làm cho chất lượng sản phẩm và tuổi đời máy móc bị giảm khiến khấu hao máy móc nhanh hơn và làm tăng chi phí cho doanh nghiệp

3.3. Rủi ro về công nghệ

Nhu cầu về nhiên vật liệu ngày càng tăng, về mặt quản lý về độ an toàn vận chuyển và lưu trữ cũng được thắt chặt. Trước tình hình như vậy, ngành May mặc cũng cần có giải pháp về các yếu

tổ chất lượng dịch vụ, đầu tư công nghệ, cơ sở vật chất kỹ thuật để đáp ứng được nhu cầu của thị trường.

3.4. Rủi ro lãi suất

Do đặc thù kinh doanh may mặc giá trị hợp đồng lớn, thường xuyên phát sinh nhu cầu tín dụng ngắn hạn, vì thế biến động về lãi suất cũng ảnh hưởng đến hiệu quả của công ty.

4. Rủi ro của đợt chào bán, Rủi ro của dự án, Rủi ro của việc sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

- *Rủi ro của đợt chào bán:* Giá cổ phiếu chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố: tình hình kinh tế vĩ mô, chính sách của nhà nước, yếu tố tâm lý nhà đầu tư, cung cầu thị trường chứng khoán... Do vậy, khi thông tin về lượng cung chứng khoán tăng lên có thể ảnh hưởng đến sự thành công của đợt chào bán và giá cổ phiếu của Công ty sau này.

Toàn bộ phương án phát hành đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty thông qua với tỷ lệ biểu quyết cao. Do đợt phát hành không được bảo lãnh phát hành nên có thể xảy ra trường hợp số lượng cổ phiếu thực tế bán được thấp hơn khối lượng dự kiến chào bán trong thời hạn được cấp phép chào bán.

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019, số cổ phần chưa được phân phối hết sẽ được xử lý theo hướng sau:

- *Phương án xử lý cổ phiếu lẻ trong đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức:*

- ✓ Phương án làm tròn: Số lượng cổ phiếu phát hành để trả cổ tức cho mỗi cổ đông sẽ được làm tròn xuống hàng đơn vị, số cổ phiếu lẻ hàng thập phân (nếu có) sẽ bị hủy bỏ và không phát hành.

Ví dụ: Tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông A sở hữu 133 cổ phiếu sẽ được nhận cổ tức bằng cổ phiếu là $133 \times 15 : 100 = 19,95$ cổ phiếu mới. Theo nguyên tắc làm tròn nêu trên, cổ đông A sẽ được nhận cổ tức bằng cổ phiếu là 19 cổ phiếu mới và 0,95 cổ phiếu sẽ bị hủy bỏ.

- ✓ Phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Số cổ phiếu lẻ sẽ bị hủy bỏ.

- *Phương án xử lý cổ phiếu lẻ, cổ phiếu không chào bán hết cho cổ đông hiện hữu:*

- ✓ Số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn và số cổ phiếu không chào bán hết được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đối tượng mua phù hợp với giá không thấp hơn giá bán cho các cổ đông hiện hữu.
- ✓ Cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn từ việc phân phối cho các cổ đông không bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại khoản 10 Điều 4 Thông tư 162/2015/TT-BTC.
- ✓ Cổ phiếu phân phối lại cho các đối tượng khác do cổ đông từ chối quyền mua bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Nghị định số 60/2015/NĐ-CP

- *Rủi ro của dự án và Rủi ro của việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán:*

Dự án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái nguyên phê duyệt chủ trương đầu tư và Quy hoạch chi tiết xây dựng, Công ty đang tiếp tục triển khai các bước tiếp theo để thực hiện dự án. Công ty đánh giá cao về tính khả thi và hiệu quả của dự án sẽ đóng góp vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian tới.

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán được dùng để làm vốn đối ứng cho dự án chi nhánh nhà máy Đại Từ của Công ty và bổ sung vốn lưu động. Công ty đã dự kiến tỷ lệ chào bán thành công cần thu được trong đợt chào bán tối thiểu là 80%, tương đương với số tiền thu được là 19.236.096.000 đồng). Vì vậy, trong trường hợp chào bán không thành công hoặc không thu được đủ số tiền tối thiểu như dự kiến, HĐQT đã có kế hoạch huy động từ nhiều nguồn khác nhau như vay vốn thương mại, vay vốn tín dụng Ngân hàng hoặc điều chỉnh các hạng mục đầu tư theo tiến độ hợp đồng xây dựng.

5. Rủi ro pha loãng

Việc phát hành thêm cổ phiếu sẽ gây ra rủi ro pha loãng giá cổ phiếu, ngoài ra, chỉ số thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) cũng sẽ giảm do tổng lượng số cổ phần lưu hành tăng lên so với hiện tại và việc đầu tư vốn vào các dự án mới chưa tạo ra ngay doanh thu, lợi nhuận.

Hiện tại, số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty là 8.015.040 cổ phiếu. Công ty dự kiến sẽ phát hành thêm 1.202.256 cổ phần, bằng 15% tổng số cổ phần đang lưu hành của Công ty.

Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu:

$$EPS = \frac{\text{Lợi nhuận từ kết quả kinh doanh trong kỳ}}{\text{Số lượng cổ phần bình quân lưu hành trong kỳ (sau phát hành)}}$$

Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) có thể giảm do thu nhập được chia cho số lượng cổ phiếu lớn hơn.

Giá trị sổ sách mỗi cổ phần (tính đến thời điểm 31/03/2019)

$$\text{Giá trị sổ sách mỗi cổ phần} = \frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu}}{\text{Số cổ phần đang lưu hành}}$$

$$\text{Giá trị sổ sách mỗi cổ phần} = \frac{109.322.832.977}{8.015.040} = 13.640 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

Giá cổ phiếu của Công ty sau phát hành sẽ chịu tác động của việc phát hành thêm 15% cổ phiếu mới so với vốn điều lệ hiện tại dẫn đến sự pha loãng của cổ phiếu, mặt khác tâm lý nhà đầu tư bị nhiều yếu tố vĩ mô tác động tiêu cực. Trên cơ sở đánh giá các mức giá và yếu tố trên, để đảm bảo sự thành công cho đợt phát hành cũng như tạo giá trị thặng dư cho cổ đông và căn cứ vào giá giao dịch trước thời điểm đưa ra xin ý kiến ĐHCĐ về phương án phát hành, HĐQT đề xuất mức giá chào bán cổ phần cho các cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/CP.

Về mức độ pha loãng của cổ phần dự kiến sau khi phát hành được tính toán theo công thức sau:

$$P = \frac{P_{t-1} + (I \times PR)}{1 + I} = \frac{11.600 + (15\% \times 10.000)}{1 + 15\%} = 11.391 \text{ đồng}$$

Trong đó:

P : Giá thị trường của cổ phiếu sau khi pha loãng

P_{t-1} : Giá thị trường trước khi pha loãng (tạm tính tại ngày 20/05/2019)

I : Tỷ lệ tăng vốn

PR : Giá cổ phiếu bán cho người nắm giữ quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành mới.

Về rủi ro pha loãng EPS

Công thức tính toán pha loãng EPS dự kiến như sau:

$$EPS_{pha\ loang} = \frac{E}{Q_{bq}}$$

Trong đó:

$EPS_{pha\ loang}$: Thu nhập trên mỗi cổ phần pha loãng sau đợt chào bán thành công

E : Tổng lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

Q_{bq} : Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ (sau chào bán)

Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) có thể giảm do thu nhập được chia cho số lượng cổ phiếu lớn hơn.

6. Rủi ro về quản trị Công ty

Công ty hoạt động trong lĩnh vực cốt lõi là May mặc. Dựa trên cơ sở đội ngũ quản lý có nhiều năm kinh nghiệm trong ngành, Công ty đã và đang dần tạo lập uy tín trên thị trường.

Đối với đợt phát hành này, Ban quản trị Công ty đã đề ra phương án tăng vốn khả thi và được Đại hội đồng Cổ đông của Công ty thông qua, cho thấy sự tin tưởng của Cổ đông và sự khả thi của phương án đề ra đối với sự phát triển của Công ty. Do vậy, có thể thấy rủi ro từ hoạt động quản trị của Công ty là không lớn

7. Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa... do thiên nhiên gây ra là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

• TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Ông Chu Thuyên	Chủ tịch Hội đồng quản trị- Tổng Giám đốc
Ông Phạm Thái Hòa	Kế toán Trưởng
Ông Nguyễn Huy Hoàng	Trưởng Ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

• TỔ CHỨC TƯ VẤN

Đại diện Tổ chức tư vấn: **Bà Nguyễn Thị Hạnh**

Chức vụ: Tổng Giám đốc Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ xin đăng ký chào bán cổ phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn chào bán chứng khoán số 39/2019/FPTS/FCF-HN/TDT giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT và Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển TDT. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản Cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

UBCK	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Công ty	: Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển TDT
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	: Hội đồng Quản trị
BKS	: Ban kiểm soát
BTGD	: Ban Tổng Giám đốc
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
Điều lệ Công ty	: Điều lệ của CTCP Đầu tư và phát triển TDT
Tổ chức chào bán	: CTCP Đầu tư và phát triển TDT
Đồng	: Việt Nam đồng
VSD	: Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam

- CMT** : Phương thức xuất khẩu mà bên đặt hàng/ người mua hàng sẽ cung cấp cho doanh nghiệp nguyên vật liệu, mẫu thiết kế và các yêu cầu cụ thể, doanh nghiệp sản xuất chỉ cắt, may và hoàn thiện sản phẩm. Sản phẩm sản xuất xong sẽ được người mua hàng ddenss thu gom và phân phối
- FOB** : Phương thức xuất khẩu mà bên đặt hàng/ người mua hàng sẽ cung cấp mẫu thiết kế và các yêu cầu cụ thể, doanh nghiệp sẽ chủ động thêm nguyên liệu đầu vào để sản xuất sản phẩm. Sản phẩm sản xuất xong sẽ được người mua hàng đến thu gom và phân phối

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Thông tin chung về Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển TDT

Tên tiếng Việt	:	Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển TDT
Tên viết tắt	:	TDT
Người đại diện	:	Ông Chu Thuyên - Tổng Giám đốc
Địa chỉ	:	Xã Diêm Thụy, Huyện Phú Bình, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
Điện thoại	:	0208.6567898
Fax	:	0208.3569898
Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động	:	Giấy chứng nhận ĐKKD số 4600941221 ngày 22 tháng 03 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp, thay đổi lần thứ 08 ngày 01 tháng 12 năm 2017
Vốn điều lệ	:	80.150.400.000 đồng

Bảng 1: Ngành nghề kinh doanh chính

Mã ngành	Tên ngành
1410 (Chính)	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)
1430	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc
4641	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép

4751	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh
4669	Bán buôn chuyên doanh khác
4771	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh
4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
1392	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)
1393	Sản xuất thảm, chăn, đệm
2220	Sản xuất sản phẩm từ plastic
4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
4653	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp
4620	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống
4632	Bán buôn thực phẩm
4633	Bán buôn đồ uống
4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình
7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển
8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác
8559	Giáo dục khác
5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
5630	Dịch vụ phục vụ đồ uống
5621	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng
4932	Vận tải hành khách đường bộ khác
4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
4931	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)
4102	Xây dựng nhà không để ở
4101	Xây dựng nhà để ở
9620	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển TDT được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận ĐKKD số 4600941221 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp đăng ký lần đầu ngày 22/03/2011 với vốn điều lệ ban đầu là 8 tỷ Đồng, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 01/12/2017 với vốn điều lệ là 80.150.400.000 đồng.

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính của Công ty là chuyên sản xuất hàng may mặc xuất khẩu, sản phẩm chủ yếu được xuất sang thị trường Hoa Kỳ, Châu Âu, Hàn Quốc...

Ngày 02/02/2018 Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển TDT được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận trở thành công ty đại chúng theo công văn số 852/UBCK-GSĐC

Ngày 02/04/2018, cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 18/2018/GCNCP-VSD với số lượng đăng ký lưu ký là 8.015.040 cổ phiếu

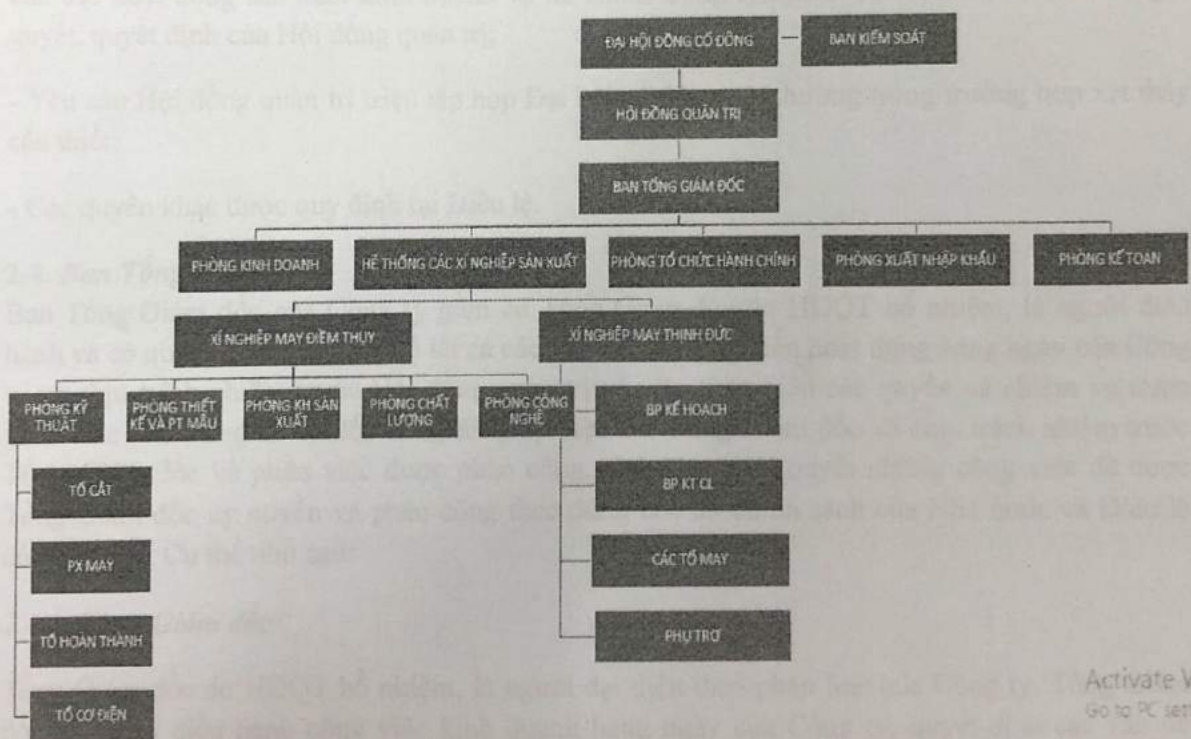
Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển TDT được xây dựng trên diện tích quy hoạch 50.000 m² nằm trên quốc lộ 37 thuộc xã Diềm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

Với đội ngũ cán bộ quản lý giàu kinh nghiệm, công nhân lành nghề, hệ thống máy móc thiết bị hiện đại trong ngành may Việt Nam hiện nay, Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển TDT luôn đáp ứng được các các yêu cầu của khách hàng về chất lượng sản phẩm và tiến độ giao hàng.

Tập thể cán bộ công nhân viên trong Công ty đã nỗ lực không ngừng trong việc xây dựng và thực hiện hệ thống quản lý chất lượng và đã được các khách hàng lớn trên thế giới như GAP và LI&FUNG công nhận, cũng như cấp chứng chỉ đánh giá nhà máy đạt chuẩn

Chiến lược phát triển của công ty là trở thành nhà sản xuất hàng may mặc có năng lực cạnh tranh tốt nhất thị trường Việt Nam dựa trên tiêu chí luôn đảm bảo chất lượng sản phẩm và tiến độ giao hàng

2. Cơ cấu của công ty và bộ máy quản lý của công ty



2.1. Đại hội đồng cổ đông

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất và có quyền quyết định các vấn đề quan trọng của Công ty. Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, hoạt động thông qua cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Đại hội đồng cổ đông có các quyền hạn sau đây:

- Thông qua Điều lệ, phương hướng hoạt động kinh doanh của Công ty;

- Bầu, bãi nhiệm Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Các quyền hạn khác do Điều lệ Công ty quy định.

2.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có trách nhiệm Tổng Giám sát Tổng Giám đốc và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT thực hiện theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ quy định.

2.3. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban kiểm sát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- Yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội cổ đông bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

2.4. Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty gồm có Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, là người điều hành và có quyết định cao nhất về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Các Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc cho Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Tổng Giám đốc ủy quyền và phân công theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ của Công ty. Cụ thể như sau:

2.4.1. Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, quyết định các vấn đề không thuộc thẩm quyền của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông; chịu sự giám sát của HĐQT, chịu trách nhiệm trước HĐQT và pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây: Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị, Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty, kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi

nhiệm các chức danh quản lý của công ty ngoại trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Hội đồng Quản trị

2.4.2. Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc cho Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Tổng Giám đốc ủy quyền và phân công theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

2.4.3. Kế toán trưởng

Kế toán trưởng có trách nhiệm giúp Tổng Giám đốc tổ chức thực hiện công tác kế toán, tài chính, thống kê theo đúng các quy định của pháp luật về tài chính, kế toán, thống kê.

2.5. Các phòng, ban chức năng Công ty

2.5.1. Phòng kinh doanh

Chức năng:

- Tham mưu, giúp việc Tổng Giám đốc về công tác đấu thầu, chào giá cạnh tranh và ký kết hợp đồng kinh tế bán hàng; tiếp thị quảng cáo; phát triển thị trường.

Nhiệm vụ:

- Thực hiện công tác đấu thầu hoặc chào giá cạnh tranh; soạn thảo, đàm phán các hợp đồng kinh tế bán hàng trình Tổng Giám đốc duyệt. Theo dõi và cập nhật những thông tin về các dự án đầu tư liên quan tại Việt Nam, xây dựng quan hệ với các chủ đầu tư trong các lĩnh vực Công ty quan tâm.
- Thực hiện các hoạt động tiếp thị, quảng cáo, phát triển mối quan hệ với các khách hàng công nghiệp nhằm nâng cao sản lượng bán buôn đồ may mặc
- Thực hiện các giải pháp quản trị kinh doanh tiên tiến để nâng cao sản lượng bán lẻ thông qua các hệ thống showroom, kết hợp với các mảng kinh doanh bổ trợ là nguyên liệu vải sợi và cho thuê gia công để gia tăng hiệu quả.
- Xem xét điều chỉnh định mức khoán đối với các cửa hàng, showroom, phối hợp với các phòng nghiệp vụ trong việc xây dựng và áp dụng các định mức kinh tế kỹ thuật.
- Thực hiện điều động phương tiện vận tải để phục vụ hoạt động SXKD, thường xuyên khai thác và chăm sóc khách hàng vận tải để giữ vững và phát triển thị phần.
- Thường xuyên đôn đốc việc thu hồi công nợ, đánh giá năng lực khách hàng khi thực hiện giao kết hợp đồng.
- Phát triển khách hàng OEM/FOB

- Xây dựng và hoàn thiện mô hình quản lý đơn hàng OEM/FOB. Từng ngày nâng cao trình độ quản lý đơn hàng OEM/FOB chuyên nghiệp và tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng giá trị ngành may
- Nắm bắt xu hướng phát triển ngành may trên bình diện Quốc tế để có những chiến lược và bước phát triển phù hợp
- Theo dõi sát sao sự chuyển dịch của ngành may mặc theo thời gian để có những quyết định chính xác về khách hàng và ngành hàng phù hợp cho Công ty
- Xây dựng kế hoạch khách hàng, doanh thu cho từng năm
- Hỗ trợ công ty trong công tác xúc tiến thương mại marketing, quảng bá thương hiệu cho công ty
- Quản lý toàn bộ các đơn hàng OEM/FOB và các đơn hàng sản xuất tại nhà máy vệ tinh

2.5.2. Hệ thống các xí nghiệp sản xuất

Chức năng:

- Thực hiện các chức năng như trong đăng ký kinh doanh: Tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất sản phẩm cho công ty

- Xí nghiệp may Thịnh Đức

Xí nghiệp may Thịnh Đức được tái cấu trúc từ xí nghiệp may TDT 3 từ năm 2016 với nhiệm vụ chính là thực hiện các công đoạn may và hoàn thiện sản phẩm, còn công đoạn cắt vải do bên xí nghiệp may Đầm Thụy thực hiện và chuyển bán thành phẩm sang cho bên Thịnh Đức xử lý tiếp. Do đó, cơ cấu tổ chức của xí nghiệp may Thịnh Đức chỉ bao gồm Phòng kế hoạch, các Tổ may, Tổ phụ trợ và bộ phận Kỹ thuật - Chất lượng. Hiện tại xí nghiệp may Thịnh Đức có khoảng 200 nhân công, trong đó chủ yếu tập trung ở khối May. Trong năm 2018 vừa qua, xí nghiệp may Thịnh Đức có doanh số sản xuất hơn 800 ngàn USD, chiếm 11,8% tổng doanh số sản xuất cả năm của Công ty TDT. Với kế hoạch phát triển trong vòng 05 năm tới của Công ty, xí nghiệp may Thịnh Đức dự kiến cũng sẽ được đầu tư nâng cấp để có thể xử lý nhiều công đoạn hơn trong quá trình sản xuất, đem lại lợi nhuận lớn hơn và giúp tăng khả năng xử lý đơn hàng của TDT

Nhiệm vụ:

• Phòng kỹ thuật:

- Xây dựng và duy trì thực hiện từng quy trình cụ thể về công tác quản lý kỹ thuật cho từng bộ phận
- Đảm bảo đồng bộ công tác kỹ thuật theo tiến độ sản xuất, hợp đồng đã ký và cam kết với khách hàng. Hướng dẫn và xử lý kịp thời các phát sinh về công tác kỹ thuật trong quá trình sản xuất

- Tham gia xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và các quy chế, quy định, kế hoạch khác theo phân công, Tổ chức hợp với các bộ phận, đảm bảo công tác an toàn vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ

- Phụ trách hoạt động của các tổ đội sản xuất và hỗ trợ, bao gồm: Tổ cắt, các phân xưởng may, Tổ hoàn thành và tổ cơ điện.

• Phòng kế hoạch sản xuất:

- Tiếp nhận thông tin về các đơn hàng, phối hợp với các phòng có liên quan lập/xem xét thiết kế, dự toán theo quy định, chủ trì hoạch định quá trình tạo sản phẩm (mục tiêu chất lượng và các yêu cầu đối với sản phẩm; kế hoạch tổ chức thi công, kế hoạch nguồn lực, kế hoạch kiểm soát tiến độ và chất lượng sản phẩm; kế hoạch giao việc cho các đơn vị may; hệ thống tài liệu, công cụ quản lý, hệ thống biểu mẫu phục vụ quá trình kiểm soát sản xuất) theo yêu cầu của từng đơn hàng và theo yêu cầu của hệ thống quản lý chất lượng;

- Tổ chức phân công và điều phối nguồn lực tham gia sản xuất; hướng dẫn, chỉ đạo, điều hành, kiểm soát các quá trình sản xuất trên cơ sở tuân thủ, các quy trình, quy phạm, mục tiêu của dự án và hệ thống kế hoạch tổ chức thực hiện dự án đã được phê duyệt;

- Thống kê các yêu cầu của khách hàng đối với sản phẩm. Chủ trì và phối hợp với các phòng chỉ đạo giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình sản xuất, xử lý các sản phẩm không phù hợp, giải quyết các khiếu nại của khách hàng liên quan đến tiến độ và chất lượng sản phẩm

• Phòng thiết kế và phát triển mẫu

- Tham mưu về thiết kế, tiêu chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ thuật cho ban điều hành công ty;

- Thiết kế mặt hàng theo yêu cầu của khách hàng, thiết kế mặt hàng mới, nắm vững đặc tính của chất liệu, nghiên cứu đề xuất chất liệu phù hợp, cung cấp thông số kỹ thuật, dữ liệu liên quan đến sản phẩm, tham gia xây dựng định mức nguyên vật liệu để kiểm soát quá trình sản xuất và cung cấp thông tin nghiên cứu đầu tư trang thiết bị mới;

- Giải quyết yêu cầu, khiếu nại, vướng mắc của khách hàng liên quan đến thiết kế và định mức nguyên liệu sản phẩm

• Phòng công nghệ

- Tham mưu cho ban điều hành Công ty các vấn đề liên quan đến công nghệ trong sản xuất

- Theo dõi, quản lý các vấn đề công nghệ liên quan đến may mặc trong công ty. Nghiên cứu, lên phương án cập nhật các công nghệ mới;

- Quản lý các bộ phận trực thuộc: Kỹ thuật chuyên, Ke gá, Mẫu dấu.

• Phòng quản lý chất lượng

- Xây dựng và duy trì thực hiện có hiệu lực hệ thống quản lý chất lượng trong Công ty
- Hướng dẫn và sử lý kịp thời các phát sinh không đảm bảo chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn kỹ thuật của khách hàng trong quá trình sản xuất. Tổ chức kiểm tra sản phẩm đạt tiêu chuẩn kỹ thuật đúng tiến độ sản xuất;
- Có quyền dừng sản xuất khi phát hiện trong quá trình sản xuất không đúng với tiêu chuẩn tài liệu kỹ thuật, yêu cầu của khách hàng, gây tổn thất cho công ty và phối hợp với phòng kỹ thuật, phòng kế hoạch sản xuất để sử lý, khắc phục kịp thời
- Đảm bảo công tác đánh giá nhà máy về chất lượng hàng hóa;
- Tham gia xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và các quy chế, quy định, kế hoạch khác theo phân công.
- Đảm bảo công tác an toàn vệ sinh lao động, Phòng chống cháy nổ

- **Xí nghiệp may Đầm Thụy**

Là xí nghiệp sản xuất lớn nhất của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT, tiền thân là xí nghiệp may TDT 1 và TDT 2 hợp nhất thành. Xí nghiệp may Đầm Thụy là đơn vị sản xuất chủ lực với hệ thống nhân sự hoàn chỉnh đáp ứng từ khâu thiết kế (Phòng Thiết kế và Phát triển mẫu), sản xuất (Phòng Kế hoạch - Sản xuất) đến kiểm tra chất lượng sản phẩm (Phòng Chất lượng). Trong đó, Phòng Kế hoạch - Sản xuất là bộ phận quan trọng nhất trong xí nghiệp, chịu trách nhiệm đề ra kế hoạch sản xuất sau khi nhận chỉ tiêu từ ban điều hành Công ty, đồng thời quản lý các Tổ cắt, Phân xưởng may, Tổ hoàn thành và Cơ điện là các đơn vị trực tiếp tham gia sản xuất. Bên cạnh đó, xí nghiệp may Đầm Thụy cũng có các phòng ban hỗ trợ như Phòng Kỹ Thuật và Phòng Công nghệ nhằm xử lý các yếu tố liên quan phát sinh trong quá trình sản xuất và theo dõi tình hình phát triển các công nghệ mới trong ngành để lên kế hoạch tham mưu cập nhật cho ban điều hành Công ty. Xí nghiệp may Đầm Thụy cũng là đơn vị có nhiều nhân sự nhất Công ty TDT, với trung bình hơn 900 CBCNV làm việc trong cả năm 2018. Xí nghiệp có cơ chế hoạt động rất linh hoạt khi vừa nhận gia công theo các hợp đồng mà Công ty ký kết, vừa chủ động tìm kiếm các đơn hàng bên ngoài để có thể đảm bảo đáp ứng chỉ tiêu mà ban điều hành Công ty giao. Trong năm 2017 vừa qua, xí nghiệp may Đầm Thụy có doanh số sản xuất hơn 6 triệu USD, chiếm 88,3% tổng doanh số sản xuất cả năm của Công ty TDT. Với hệ thống máy móc trang thiết bị hiện đại cùng kinh nghiệm quản lý lâu năm và tiềm lực tài chính tốt từ TDT, hiện xí nghiệp may Đầm Thụy có thể đáp ứng tốt cho các đơn hàng FOB. Với kế hoạch phát triển trong vòng 05 năm tới của Công ty, xí nghiệp may Đầm Thụy dự kiến sẽ được đầu tư nâng cấp khả năng sản xuất nhằm đáp ứng được khối lượng đơn hàng lớn khi Công ty mở rộng

2.5.3. Phòng tổ chức hành chính

Chức năng:

- Chức năng tham mưu giúp Tổng Giám đốc: Quản lý điều hành và thực hiện các chế độ chính sách (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người lao động); hợp đồng lao động; về công tác tổ chức, cán bộ; công tác đào tạo; công tác quản lý lao động; công tác quản lý tiền lương và công tác thanh tra, pháp chế. Tham mưu giúp việc Hội đồng thi đua khen thưởng Công ty; công tác thi đua tuyên truyền.

Nhiệm vụ:

- Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các Quy chế, Điều lệ của Công ty, chủ trương đường lối chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước hiện hành.
- Nghiên cứu, xây dựng phương án, trình cấp trên sắp xếp lại cơ cấu tổ chức bộ máy cho phù hợp với tình hình thực tế của Công ty; xem xét và trình duyệt thành lập mới, tách, nhập, giải thể, bổ sung chức năng nhiệm vụ cho các đơn vị thuộc Công ty quản lý. Tổ chức triển khai thực hiện các phương án trên khi được lãnh đạo Công ty xem xét và phê duyệt.
- Xây dựng các văn bản phục vụ công tác quản lý đối với các đơn vị trực thuộc Công ty, cập nhật các thông tin mới nhất về chế độ chính sách của Nhà nước ban hành để dự thảo, sửa đổi, bổ sung các Quy chế bổ nhiệm cán bộ; quy chế dân chủ ở cơ sở; Điều lệ của Công ty trình các cấp có thẩm quyền.
- Căn cứ vào tiêu chuẩn viên chức chuyên môn, nghiệp vụ để có kế hoạch bố trí sắp xếp, điều động tuyển dụng, đào tạo bồi dưỡng cán bộ công nhân viên chức theo quy định hiện hành. Tổ chức đào tạo, thi tuyển đối với cán bộ viên chức, sát hạch tay nghề đối với công nhân.
- Thực hiện việc quản lý cán bộ công nhân viên trong việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, nhận xét hàng năm, nâng thưởng lương theo phân công, phân cấp của Hội đồng quản trị. Quản lý hồ sơ, bổ sung lý lịch định kỳ cho cán bộ công nhân viên.
- Phối hợp với Phòng Kinh doanh xây dựng đơn giá tiền lương; phối hợp với công đoàn, các phòng nghiệp vụ xây dựng và thực hiện Quy chế trả lương, thưởng... Hướng dẫn, theo dõi, quản lý danh sách người lao động tham gia đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định hiện hành.
- Tổ chức công tác thanh tra, pháp chế theo yêu cầu của lãnh đạo; báo cáo định kỳ công tác này với các cơ quan có liên quan.
- Tổ chức công tác thi đua tuyên truyền về chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước và các cơ quan cấp trên; báo cáo công tác thi đua khen thưởng theo định kỳ và đột xuất.
- Phối hợp cùng các phòng, ban chức năng xây dựng thương hiệu, sản phẩm và quảng bá hình ảnh của Công ty thông qua các đợt hội chợ, triển lãm; đăng tải thông tin hình ảnh của Công ty trên các phương tiện thông tin đại chúng.

2.5.4. Phòng kế toán

Chức năng:

- Tham mưu giúp Tổng Giám đốc quản lý vốn, tài sản, công nợ, nghiệp vụ tài chính, kế toán, ngân hàng theo quy định của Nhà nước.

Nhiệm vụ:

- Tổ chức thực hiện công tác kế toán thống kê theo đúng quy định của Nhà nước.
- Xây dựng kế hoạch thu chi tiền mặt, tiền gửi ngân hàng phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh. Lập và trình duyệt các hợp đồng vay vốn đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh.
- Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, thanh toán các chứng từ chi phí của các đơn vị thi công, kiểm soát việc chi tiêu tài chính, sử dụng vật tư và các yếu tố đầu vào của sản xuất ở các đơn vị thi công theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.
- Quản lý hạch toán vốn, tài sản, công nợ, doanh thu từ hoạt động kinh doanh và thu nhập từ hoạt động khác theo đúng quy định của Nhà nước.
- Hạch toán đầy đủ, trung thực, kịp thời, có hệ thống mọi yếu tố chi phí phát sinh phục vụ công tác lập báo cáo tài chính và các báo cáo theo yêu cầu quản lý. Lập báo cáo tài chính hàng năm theo đúng quy định của Bộ Tài chính.
- Phối hợp với các phòng ban, đơn vị có liên quan kiểm kê vật tư, hàng hoá theo quy định; hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra các đơn vị hạch toán phụ thuộc trong việc hạch toán kế toán và lập báo cáo tài chính.
- Thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm theo quy định; theo dõi danh sách cổ đông, làm thủ tục chuyển nhượng và chi trả cổ tức cho các cổ đông của Công ty; chi và quản lý tiền lương, tiền thưởng cho người lao động.

2.5.5. Phòng xuất nhập khẩu

Chức năng:

- Tham mưu giúp Ban giám đốc thực hiện quản lý công tác chuyên môn, nghiệp vụ xuất nhập khẩu

Nhiệm vụ:

- Thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu theo ủy quyền của Tổng Giám đốc và theo quy định của Pháp luật
- Nghiên cứu theo dõi các chủ trương chính sách xuất nhập khẩu, thuế của Nhà nước ban hành để tổ chức thực hiện triển khai theo đúng quy định Pháp luật
- Phối hợp với các phòng ban, đơn vị liên quan trong việc đảm bảo xuất nhập khẩu hàng hóa chính xác, nhanh, phục vụ kịp thời cho sản xuất

- Quản lý chặt chẽ các chi phí xuất nhập khẩu, vận tải, tìm các nhà cung cấp dịch vụ xuất nhập khẩu, vận tải có chất lượng và giá cạnh tranh

- Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được phân công

3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại.

3.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty ngày 19/03/2019

Bảng 2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Chu Thuyên	1.265.000	15,78%
2	Nguyễn Việt Thắng	820.000	10,23%

(Nguồn: Danh sách cổ đông ngày 19/03/2019 do VSD lập)

3.2. Danh sách cổ đông sáng lập:

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được bãi bỏ sau thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 14 tháng 11 năm 2000, do đó số lượng cổ phiếu của cổ đông sáng lập đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.

Bảng 3. Danh sách cổ đông sáng lập tại ngày 19/03/2019

TT	Tên cổ đông	Chức vụ	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Chu Thuyên	Tổng Giám Đốc	1.265.000	15,78%
2	Nguyễn Việt Thắng	Phó Tổng Giám Đốc	820.000	10,23%
3	Đặng Đình Vụ	Phó Tổng Giám Đốc	90.000	1,01%
Tổng cộng			2.165.000	27,02%

(Nguồn: Danh sách cổ đông ngày 19/03/2019 do VSD lập)

Bảng 4. Cơ cấu vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 19/03/2019

TT	Cổ đông	SL CĐ	Số lượng CP	Tỷ lệ
I	Trong nước	255	8.015.040	100%
1	Tổ chức	-	-	-
2	Cá nhân	255	8.015.040	100%
II	Nước ngoài	-	-	-
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
	Tổng cộng	255	8.015.040	100%

(Nguồn: Danh sách cổ đông ngày 19/03/2019 do VSD lập)

4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành:

Công ty mẹ: Không có

Công ty con: Không có

Công ty liên kết: Không có

5. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty:

Bảng 5. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty

Thời gian	Vốn điều lệ (Đồng)	Giá trị vốn tăng thêm (Đồng)	Hình thức tăng vốn	Căn cứ
2012	12.000.000.000	4.000.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2011/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/11/2011 GCN ĐKKD số 4600941221 thay đổi lần 1 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 22/12/2011
2013	16.000.000.000	4.000.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2012/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/05/2012 GCN ĐKKD số 4600941221 thay đổi lần 2 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 20/08/2012
2015	26.400.000.000	10.400.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu và cán bộ nhân viên	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 02/03/2014 GCN ĐKKD số 4600941221 thay đổi lần 5 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 31/12/2014

2016	43.560.000.000	17.160.000.000	Chia cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và Phát hành cho cổ đông hiện hữu	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/12/2015 GCN ĐKKD số 4600941221 thay đổi lần 6 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 19/01/2016
8/2017	50.094.000.000	6.534.000.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và Phát hành cổ phiếu thường	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/03/2017 GCN ĐKKD số 4600941221 thay đổi lần 7 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 29/08/2017
12/2017	80.150.400.000	30.056.400.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/10/2017 GCN ĐKKD số 4600941221 thay đổi lần 8 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 29/08/2017

(Nguồn: Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển TDT)

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty hiện nay bao gồm: May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú; Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc; Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép; Bán buôn chuyên doanh khác; Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Xây dựng công trình khác không phải nhà; Chia tách đất với cải tạo đất (ví dụ: đắp, mở rộng đường, cơ sở hạ tầng công); Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục); Sản xuất thảm, chăn, đệm; Sản xuất sản phẩm từ plastic; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Máy móc, thiết bị lâm nghiệp, công nghiệp, văn phòng); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Bán buôn thực phẩm (Loại trừ gạo, đường mía và đường củ cải); Bán buôn đồ uống; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Mỹ phẩm, đồ lưu niệm; Loại trừ bán buôn sách, báo và tạp chí); Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác; Giáo dục khác (Dạy nghề may công nghiệp); Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Dịch vụ phục vụ đồ uống; Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng; Vận tải hành khách đường bộ khác (Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh); Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt); Xây dựng nhà không để ở; Xây dựng nhà để ở; Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú.

Bảng 6. Cơ cấu doanh thu theo nhóm sản phẩm qua các năm

Đơn vị tính: Đồng

Nhóm sản phẩm	2017		2018		6 tháng đầu năm 2019	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu từ hoạt động xuất khẩu	200.468.408.088	92,56%	264.317.540.880	92,57%	155.383.387.459	98,05%
Doanh thu từ nội địa	16.113.354.210	7,44%	21.220.717.202	7,43%	3.087.889.688	1,95%
Tổng cộng	216.581.762.298	100%	285.538.258.082	100%	158.471.277.147	100%

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018, BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2019)

Bảng 7. Cơ cấu lợi nhuận gộp theo nhóm sản phẩm qua các năm

Đơn vị tính: Đồng

Nhóm sản phẩm	2017		2018		6 tháng đầu năm 2019	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Lợi nhuận từ hoạt động xuất khẩu	45.506.758.887	99,55%	57.262.781.661	94,30%	29.491.851.569	99,21%
Lợi nhuận từ nội địa	205.860.963	0,45%	3.463.379.060	5,70%	233.409.215	0,79%
Tổng cộng	45.712.619.850	100%	60.726.160.721	100%	29.725.260.784	100%

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018, BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2019)

6.2. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực đầu tư, sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ chính của tổ chức phát hành

Không có

6.3. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Đảm bảo tuyệt đối an toàn trong quá trình SXKD, không ngừng tăng cường công tác kiểm tra, Tổng Giám sát về phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường, công tác an toàn tiền hàng, công tác đảm bảo an ninh, an toàn hoạt động sản xuất và tại các xưởng may và kho hàng. Tuyệt đối không để xảy ra hiện tượng tiêu cực nhân viên mang các nguyên nhiên vật liệu hoặc thành phẩm trong quá trình sản xuất và vận chuyển, ảnh hưởng xấu tới hình ảnh và thương hiệu Doanh nghiệp (Trường hợp để xảy ra vi phạm, Công ty sẽ sử dụng các hình thức Kỷ luật ghi rõ trong hợp đồng lao động cũng như Quy chế doanh nghiệp)

Đối với TDT chất lượng sản phẩm luôn là yếu tố được quan tâm hàng đầu. Công ty có các quy trình nghiêm ngặt đảm bảo chất lượng đầu vào, quá trình sản xuất và kiểm soát đầu ra tại các công đoạn. Sở tay kỹ thuật được giám sát bởi các thông số:

- Thông tin, tài liệu
- Nguyên liệu, phụ liệu
- Kiểm cắt bán thành phẩm
- Kiểm sản phẩm đầu chuyên
- Kiểm trên chuyên
- Kiểm cuối chuyên
- Kiểm trước khi nhập kho
- Kiểm tra đóng gói
- Kiểm tra Pre-Final và Final (Trước và sau khi phúc tra hàng)
- Kiểm tra giặt, mài công nghiệp

Doanh nghiệp hệ thống hóa thông tin nhằm kiểm soát chất lượng và dễ dàng truy xuất dữ liệu khi phát sinh lỗi, đưa ra hướng xử lý nhanh nhất tránh sai hỏng hàng loạt, ảnh hưởng đến chất lượng và năng suất dây chuyền

6.4. Hoạt động Marketing

a. Hoạt động Marketing và bán hàng

Tại Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển TDT, hoạt động marketing và tìm kiếm khách hàng mới do các phòng ban Xuất nhập khẩu và kinh doanh FOB/OEM phụ trách. Công việc của các bộ phận này là tham gia các chương trình xúc tiến thương mại hoặc chủ động tiếp cận những khách hàng tiềm năng để thực hiện công tác quảng bá sản phẩm. Bên cạnh đó, hoạt động Marketing và bán hàng của Công ty còn bao gồm nghiên cứu và phát triển thị trường, lên danh sách khách hàng tiềm năng, nghiên cứu các quy định liên quan đến xuất nhập khẩu như thủ tục pháp lý và các quy định tại nước sở tại.

Song song với việc quảng bá hình ảnh đến các khách hàng tiềm năng, Công ty cũng rất chú trọng đầu tư cho các nội dung, bài viết, hình ảnh liên quan đến hoạt động nội bộ. Trên trang chủ của Công ty tại địa chỉ chitdtgroup.vn, các bài viết về hoạt động tập thể và các sự kiện trong ngày kỷ niệm, ngày lễ của Công ty cũng như cả quốc gia, các sản phẩm của Công ty và thông tin về hoạt động sản xuất được cập nhật rất thường xuyên với nội dung phong phú. Điều đó đã góp phần quan trọng trong việc xây dựng hình ảnh về một TDT năng động, phát triển và hiện đại trong mắt các khách hàng và đối tác của Công ty.

b. Hoạt động cộng đồng:

Trong suốt chặng đường hình thành và phát triển, TDT luôn đề cao tinh thần cùng chung tay vì sự phát triển cộng đồng, thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp đối với Nhà nước thông qua các hoạt động thiết thực có ích cho xã hội như: Trao học bổng cho trẻ em nghèo, tri ân cán bộ là bộ đội phục viên, hỗ trợ hộ nghèo trên địa bàn và nhiều tài trợ ý nghĩa khác.

Với những thành tích nổi bật đã đạt được trong hoạt động kinh doanh và hoạt động xã hội trên địa bàn, ngày 12/02/2018, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT đã vinh dự được Đồng chí Phạm Bình Minh - Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ kiêm Bộ trưởng Ngoại giao nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đến thăm và tặng quà Tết công nhân lao động. Cùng đi với Đoàn công tác của Phó Thủ tướng còn có Phó Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam Trần Văn Thuật, Phó Chủ tịch Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam Trần Quốc Hùng. Phó Thủ tướng đã trao 50 suất quà cho các công nhân, người lao động có hoàn cảnh khó khăn đang làm việc tại các doanh nghiệp trên địa bàn huyện Phú Bình. Phó Thủ tướng khẳng định những thành tựu chung của đất nước trong năm 2017, đặc biệt là lĩnh vực kinh tế, có sự đóng góp công sức chung của toàn thể công nhân, người lao động trên cả nước, trong đó có công nhân, người lao động tại TDT. Phó Thủ tướng chúc mừng và hy vọng trong thời gian tới, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT sẽ tiếp tục phát triển để tạo nhiều công ăn việc làm cho người dân trên địa bàn, cũng như đóng góp vào sự phát triển chung của tỉnh Thái Nguyên và nền kinh tế Việt Nam.

Bên cạnh đó, TDT luôn xem những hoạt động chăm lo cho đời sống vật chất, tinh thần của CBCNV là một phần quan trọng trong kế hoạch phát triển bền vững của công ty. Điều đó khẳng định rõ nét thông qua nhiều chương trình thể thao văn hóa mà công ty tổ chức hàng năm cho nhân viên.

6.5. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền:



Hiện nay, Công ty đã nộp hồ sơ đăng ký bản quyền logo và thương hiệu TDT lên Cục sở hữu trí tuệ và gấp rút hoàn thiện hồ sơ để được bảo hộ logo và thương hiệu TDT.

Tâm nhìn: TDT không ngừng nỗ lực phấn đấu trở thành một trong những công ty hàng đầu của Việt Nam trong lĩnh vực cung ứng các sản phẩm may mặc thời trang xuất khẩu. Khẳng định thương hiệu và đẳng cấp quốc tế để trở thành đối tác trực tiếp của các thương hiệu thời trang uy tín của thế giới.

Sứ mệnh: Cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tốt nhất mang lại sự hài lòng cho các đối tác, khách hàng. Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo và nhân văn; tạo điều kiện thu nhập cao và cơ hội phát triển công bằng cho tất cả nhân viên cho mọi thành viên của TDT. Hài hòa lợi ích doanh nghiệp với lợi ích xã hội; đóng góp tích cực vào các hoạt động hướng về cộng đồng; minh bạch trong hoạt động sản xuất kinh doanh và luôn thượng tôn pháp luật

6.6. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 8. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết

STT	Khách hàng	Sản phẩm	Thị trường	Số lượng sản phẩm trong HĐ khung	Thời gian kí kết	Giá trị HĐ (Triệu USD)
1	Pan Pacific	Hàng may mặc	Hoa Kỳ	1,18 triệu	01/2019	3,78
2	Yun Garment	Hàng may mặc	Hoa Kỳ	0,01 triệu	11/2018	0,03
3	ASMARA International Limited	Hàng may mặc	EU	0,25 triệu	12/2018-01/2019	2,93
4	Snow coats Apparel co.,Ltd	Hàng may mặc	Hoa Kỳ	0,1 triệu	01/2019	0,7
5	Capital gament INC	Hàng may mặc	Canada	0,04 triệu	01/2019	0,98
6	Premier Exim	Hàng may mặc	Hoa Kỳ	0,33 triệu	11/2018	1,54
7	Winners Creations	Hàng may mặc	Hoa Kỳ	0,41 triệu	01/2019	1,93
8	Texvista International PTE	Hàng may mặc	Argentina	0,0072 triệu	11/2018	0,13
9	Sae -A Trading	Hàng may mặc	Hoa Kỳ	0,07 triệu	4/2019	0,35
10	TCT May Đức Giang	Hàng gia công trong nước	Việt Nam	0,04 triệu	11/2019	0,22
Tổng				2,4372 triệu		12,59

(Nguồn: Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển TDT)

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu hoạt động SXKD của Công ty trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Bảng 9. Tóm tắt một số chỉ tiêu hoạt động SXKD

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Thay đổi năm 2018 so với năm 2017 (%)	6 tháng năm 2019
Tổng giá trị tài sản	209.182.843.961	250.178.816.789	120%	273.990.502.782

Doanh thu thuần	216.581.762.298	285.538.258.082	132%	158.069.340.172
Giá vốn hàng bán	170.869.142.448	224.812.097.361	132%	128.344.079.388
Chi phí tài chính	7.541.866.368	7.040.258.639	93%	2.721.765.468
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	13.366.732.233	22.058.664.426	165%	9.347.461.603
Lợi nhuận khác	216.706.470	494.371.955	228%	256.348.208
Lợi nhuận trước thuế	13.583.438.703	22.553.036.381	166%	9.603.809.811
Lợi nhuận sau thuế	12.421.841.300	20.631.744.090	166%	7.957.870.863
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	12%	15%	n/a	n/a

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018, BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2019)

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo.

Thuận lợi

- Mặc dù trước mắt vẫn còn nhiều khó khăn, tuy nhiên tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam về dài hạn được đánh giá là ổn định ở mức khá cao, vốn đầu tư phát triển của toàn xã hội năm sau cao hơn năm trước tạo điều kiện ổn định trong nước cho việc sản xuất. Thị trường chủ yếu của doanh nghiệp là xuất khẩu nên sự ổn định trong nước sẽ giúp cho doanh nghiệp tránh được các biến động bất thường trong tỷ giá và các yếu tố vĩ mô lên doanh nghiệp
- Công ty có nhiều thuận lợi khi thị trường may mặc Trung Quốc đang đóng băng một phần do ảnh hưởng của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, trong khi nhu cầu về đồ may mặc giá rẻ tại Mỹ là vô cùng lớn. Tận dụng được lợi thế này sẽ giúp doanh nghiệp chiếm đc 1 phần thị phần từ Trung Quốc
- Sự đoàn kết nhất trí cao trong ban lãnh đạo Công ty, sự quyết tâm nỗ lực khắc phục mọi khó khăn của toàn thể CBCNV, sự tin tưởng và yên tâm công tác trong công nhân lao động, sự kết hợp chặt chẽ của các tổ chức đoàn thể trong Công ty;
- Công ty thường xuyên nghiên cứu thị trường, phát triển mở rộng sản xuất kinh doanh và bước đầu đưa Trung tâm đào tạo tay nghề cho nhân viên tại các xưởng may. Ngoài ra liên tục cập nhật xu thế về thị trường, từng bước khẳng định được thương hiệu dựa trên chuỗi giá trị chung của may mặc Việt Nam, góp phần vào hiệu quả kinh doanh chung của Công ty.

Khó khăn

- Biến động về thuế quan, đặc biệt là Châu Âu và Mỹ khiến cho giá thành phẩm tăng và ảnh hưởng đến doanh thu của công ty. Tuy nhiên thị trường Châu Á cũng như các hiệp định mà Việt Nam đã ký kết trong thời gian qua cũng khắc phục một phần sự khó khăn đến từ các thị trường khác

- Lĩnh vực kinh doanh may mặc chịu ảnh hưởng rất nhiều từ giá thành nguyên nhiên vật liệu. Trong bối cảnh giá xăng dầu và điện liên tục tăng lũy kế và chưa có dấu hiệu chững lại, khiến cho chi phí sản xuất tăng lên lũy kế, đặc biệt là vào thời điểm tháng 5 đến tháng 10 hàng năm. Ngoài ra nguồn nước tham gia vào quá trình sản xuất vào mùa khô từ tháng 12-tháng 3 hàng năm cũng khiến cho doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên đây là những bất lợi có thể dự đoán được nên doanh nghiệp cũng đã đưa ra nhiều phương án khắc phục một phần các khó khăn nêu trên

- Cạnh tranh gay gắt từ các nước có ngành may mặc xuất khẩu phát triển khác như Trung Quốc, Ấn Độ,... là những nước có nhiều lợi thế hơn về thị trường, nguyên phụ liệu,... đe dọa thị trường xuất khẩu của công ty.

- Xuất khẩu hàng may mặc của Việt Nam thời gian tới sang Hoa Kỳ sẽ gặp một số khó khăn do Hoa Kỳ đang thắt chặt hơn các quy định, quy chuẩn về an toàn các sản phẩm nhập khẩu nhằm giảm thâm hụt thương mại. Cùng với đó, mức độ cạnh tranh giữa các nhà cung cấp hàng may mặc vào thị trường Hoa Kỳ cũng sẽ gay gắt hơn, không chỉ về chất lượng mà còn về khả năng giao hàng, đáp ứng đơn hàng cũng như việc triển khai các hoạt động sản xuất mang tính bền vững.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT là doanh nghiệp xuất khẩu hàng may mặc có hoạt động chính là may xuất khẩu, với phân khúc hàng gia công xuất khẩu chiếm đa phần tỷ trọng. Hiện nay doanh nghiệp đang thực hiện các đơn hàng theo hai phương thức xuất khẩu là CMT và FOB. Trong thời gian tới FOB là phương án xuất khẩu mà TDT ưu tiên tập trung nguồn lực để phát triển. Hiện nay thị trường chủ yếu của TDT là thị trường xuất khẩu, trong đó Mỹ và EU là hai thị trường chủ yếu. Trong thời gian tới, công ty có định hướng phát triển thị trường Nhật Bản, hiện đang là thị trường xuất khẩu hàng dệt may đứng thứ 3 của Việt Nam.

Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển TDT có đội ngũ cán bộ quản lý giàu kinh nghiệm, công nhân lành nghề, cùng hệ thống máy móc thiết bị hiện đại luôn đáp ứng được các các yêu cầu của khách hàng về Chất lượng sản phẩm và Tiến độ giao hàng.

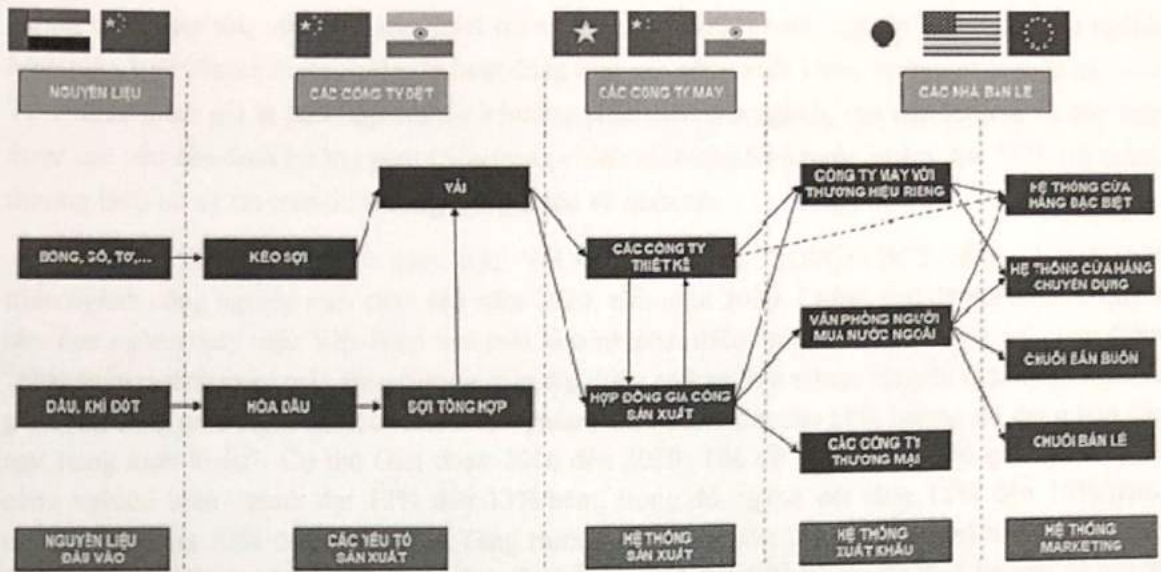
Với sự đoàn kết, đóng góp, cống hiến không mệt mỏi vượt qua khó khăn thử thách của các thế hệ CBCNV trong suốt hành trình xây dựng và phát triển công ty cổ phần đầu tư và phát triển TDT. Năm năm qua công ty đã vinh dự được Đảng, nhà nước, các tổ chức kinh tế xã hội tặng thưởng nhiều chứng nhận, giải thưởng, danh hiệu cao quý, trong đó tiêu biểu là:

- Bằng khen của Bộ Công thương về thành tích xuất sắc trong đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và phát triển của ngành Công thương.

- Bằng khen của Sở Công thương tỉnh Thái Nguyên về thành tích xuất sắc trong đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và phát triển của Sở Công thương tỉnh Thái Nguyên.

- Giấy khen của Đảng bộ khối Doanh nghiệp tỉnh Thái Nguyên về công tác xây dựng tổ chức cơ sở Đảng tại công ty.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành



(Nguồn: The international competitiveness of Asian economies in the apparel commodity chain (Gereffi, 2002))

Đối với hoạt động xuất khẩu hàng dệt may và may mặc, Việt Nam luôn nằm trong top những nước có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất thế giới. Trong bối cảnh chiến tranh thương mại Thế giới Mỹ Trung làm cho hoạt động xuất khẩu may mặc của Việt Nam tăng đột biến trong thời gian gần đây. Không chỉ hưởng lợi từ chiến tranh thương mại Mỹ- Trung, ngành dệt may Việt Nam sắp tới đây có thể đón nhận những tín hiệu lạc quan từ Hiệp định thương mại Tự do mà Việt Nam là thành viên, điển hình là CPTPP, EVFTA. Đặc biệt với Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) là một yếu tố quan trọng để thúc đẩy quan hệ thương mại Việt Nam-EU, giúp mở rộng hơn nữa thị trường cho hàng xuất khẩu, đặc biệt là những sản phẩm mà Việt Nam có thể mạnh như may mặc. Theo hiệp định, hai bên sẽ xóa bỏ hơn 99% số dòng thuế nhập khẩu theo nguyên tắc 7/10 (EU sẽ xóa bỏ toàn bộ thuế nhập khẩu hàng hóa từ Việt Nam tối đa trong 7 năm theo các lộ trình xóa bỏ ngay, xóa bỏ sau 3 năm, sau 5 năm và 7 năm. Việt Nam sẽ xóa bỏ hoàn toàn sau 10 năm với các lộ trình xóa bỏ ngay, xóa bỏ sau 3 năm, sau 5 năm, sau 7 năm và sau 10 năm). Với một số dòng thuế còn lại, hai bên sẽ áp dụng hạn ngạch thuế quan hoặc cắt giảm thuế quan một phần. Đây có thể coi là những ưu đãi về thuế cao nhất mà Việt Nam đạt được trong các Hiệp định FTA đã được ký kết từ trước tới nay. Do đó, triển vọng mở rộng thị trường xuất khẩu

của các doanh nghiệp may mặc Việt Nam trong thời gian tới, mà TDT là một trong số đó, là rất tiềm năng.

8.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty đối với định hướng của ngành, chính sách của nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Trong thời gian tới, với mục tiêu phát triển TDT trở thành doanh nghiệp hàng đầu của ngành May mặc Việt Nam với trọng tâm là hoạt động may gia công xuất khẩu, hướng phát triển này của TDT được đánh giá là phù hợp với định hướng phát triển của ngành, của nền kinh tế và đáp ứng được các yêu cầu định hướng phát triển trong chính sách của Nhà nước nhằm đưa TDT trở thành thương hiệu có uy tín trên thị trường trong nước và quốc tế:

- Định hướng phát triển ngành may mặc: Với Quyết định số 3218/QĐ-BCT về quy hoạch phát triển ngành công nghiệp may mặc đến năm 2020, tầm nhìn 2030, Chính phủ đã thể hiện rõ quyết tâm đưa ngành may mặc Việt Nam vào một lộ trình phát triển khoa học và tiến bộ với quan điểm “phát triển ngành may mặc theo hướng hiện đại, hiệu quả và bền vững; chuyển mạnh sản xuất từ gia công sang mua nguyên liệu, bán thành phẩm, đảm bảo nâng cao chất lượng, đa dạng hóa các mặt hàng xuất khẩu”. Cụ thể Giai đoạn 2016 đến 2020: Tốc độ tăng trưởng về giá trị sản xuất công nghiệp toàn ngành đạt 12% đến 13%/năm, trong đó ngành dệt tăng 13% đến 14%/năm, ngành may tăng 12% đến 13%/năm. Tăng trưởng xuất khẩu đạt 9% đến 10%/năm. Tăng trưởng thị trường nội địa đạt 10% đến 12%/năm. Giai đoạn 2021 đến 2030: Tốc độ tăng trưởng về giá trị sản xuất công nghiệp toàn ngành đạt 9% đến 10%/năm. Trong đó ngành dệt tăng 10% đến 11%/năm, ngành may tăng 9% đến 10%/năm. Tăng trưởng xuất khẩu đạt 6% đến 7%/năm. Tăng trưởng thị trường nội địa đạt 8% đến 9%/năm; Cơ cấu ngành dệt, ngành may trong cơ cấu toàn ngành may mặc: đến năm 2015, ngành dệt chiếm tỷ trọng 45%, ngành may chiếm tỷ trọng 55%; năm 2020, tỷ trọng ngành dệt tăng lên 47%, ngành may giảm còn 53%; năm 2030, ngành dệt tăng lên 49%, ngành may còn 51% trong toàn bộ cơ cấu ngành may mặc.

- Định hướng phát triển công ty trong 5 năm tiếp theo:

Trong giai đoạn 05 năm tới, Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT sẽ tiếp tục tập trung và phát triển mảng hoạt động chính mà mình có thế mạnh là sản xuất hàng may mặc xuất khẩu, trong đó cụ thể: Doanh nghiệp tiếp tục phát triển mở rộng hệ thống nhà máy vệ tinh. Nâng cao trình độ thiết kế, phát triển mẫu, khả năng tìm nguồn nguyên phụ liệu, kỹ năng đàm phán. Đầu tư công nghệ, máy móc thiết bị hiện đại, quy trình quản lý sản xuất tinh gọn để đạt được tăng trưởng đột phá về năng suất lao động. Tăng dần tỷ trọng nhóm hàng FOB có tỷ suất lợi nhuận cao. Mở văn phòng đại diện tại các thành phố lớn trong cả nước và thị trường xuất khẩu lớn như Hoa Kỳ/EU/Nhật Bản nhằm đẩy mạnh công tác sales/marketing, tiếp cận và làm việc trực tiếp với các khách hàng bán lẻ tại các thị trường này nhằm gia tăng tỷ suất lợi nhuận. Định hướng phát triển của Công ty là hoàn toàn phù hợp và sẽ tận dụng được tối đa những ưu đãi của Chính phủ đối với ngành may mặc. Trong đó, đáng chú ý nhất là việc Công ty sẽ tăng dần tỷ trọng nhóm hàng gia công có tỷ suất lợi nhuận cao (từ CMT sang FOB và tiến tới là ODM, OBM). Như đã phân tích ở trên, đây là một xu hướng phát triển tất yếu không chỉ ở Việt Nam mà trên toàn thế giới của các công ty may mặc khi đã đạt đến một mức độ phát triển nhất định, và với TDT, đây chính xác là thời điểm vàng để bắt đầu quá trình chuyển đổi. Ở TDT hiện đã hội tụ đầy

đủ các yếu tố về mặt con người (đội ngũ quản lý kinh nghiệm và lao động tay nghề cao), máy móc công nghệ (các thiết bị và công nghệ sản xuất đều thuộc hàng tiên tiến nhất trong ngành may mặc tại Việt Nam), nguồn vốn, và lại ở trong giai đoạn đầu của kế hoạch phát triển ngành may mặc với nhiều ưu đãi từ phía cơ quan chủ quản. Không chỉ có vậy, trên bình diện khu vực và quốc tế, một loạt các hiệp định thương mại chuẩn bị có hiệu lực như Hiệp định Đối tác Toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam EU (có hiệu lực từ năm 2018) sẽ mở toang cánh cửa vào một loạt các thị trường đầy tiềm năng với mức thuế suất vô cùng ưu đãi. Do đó, có thể khẳng định, với kế hoạch 05 năm đã được đề ra cùng tầm nhìn chiến lược của ban điều hành Công ty, triển vọng phát triển trong thời gian tới của TDT là vô cùng tích cực.

9. Chính sách đối với người lao động

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển của Công ty, vì vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình. Tổng số lượng người lao động trong trên 1600 người, cụ thể:

Bảng 10. Cơ cấu lao động ngày 30/06/2018

STT	Trình độ	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Trình độ Đại học	68	4,25
2	Trình độ cao đẳng, trung cấp	75	4,69
3	Trình độ sơ cấp, công nhân kỹ thuật	1327	82,94
4	Lao động phổ thông	130	8,13
Tổng số		1.600	100

(Nguồn: CTCP Đầu tư và phát triển TDT)

Chính sách đối với người lao động

- Chính sách tuyển dụng: là thu hút và duy trì nguồn nhân lực chất lượng cao, mọi thông tin tuyển dụng đều được truyền tải đến mọi ứng viên thích hợp cho vị trí tuyển dụng. Mục đích thu hút những ứng viên mới có tiềm năng cũng đang là mục đích nhìn nhận sự phát triển của toàn bộ nhân viên Công ty.
- Chính sách thu hút nhân tài (lương, thưởng, chế độ đãi ngộ...): chính sách đãi ngộ nhân viên ở mỗi cấp độ khác nhau phải đáp ứng được những yêu cầu của Công ty, đáp ứng nhu cầu của nhân viên, tạo mức cạnh tranh trong thị trường lao động, nhưng vẫn phải dựa trên cơ sở và điều kiện thực tế của Công ty, mang lại công bằng trong những cơ hội nghề nghiệp và cơ hội thăng tiến, đảm bảo đúng qui định của Bộ luật lao động Việt Nam hiện hành.

- Chính sách lương: đảm bảo công việc đầy đủ cho người lao động, đảm bảo thu nhập phù hợp với khả năng cống hiến và thị trường; mức thu nhập bình quân năm 2018 đối với người quản lý là 29,95 triệu đồng/người/tháng và người lao động là 8,596 triệu đồng/người/tháng. Nâng bậc lương đối với cán bộ gián tiếp đúng thời hạn, ngạch bậc và kịp thời. Xét và tổ chức thi nâng bậc đối với công nhân các cấp bậc cán bộ công nhân viên hàng năm theo đúng quy định.
- Chính sách đào tạo: đào tạo nhân viên từ khi bắt đầu công việc sẽ thúc đẩy việc hoàn thành tốt kế hoạch. Tất cả những ứng viên khi được lựa chọn là thành viên của Công ty sẽ được hưởng những cơ hội học tập, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn. Công ty hỗ trợ và tạo mọi điều kiện để người lao động phát huy khả năng trong học tập nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ. Công tác đào tạo của Công ty sẽ tuân thủ theo mục tiêu của từng bộ phận và dựa vào nguồn lực hiện có và cả mục tiêu nghề nghiệp của nhân viên.

10. Chính sách cổ tức

Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của Pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận sau thuế của Công ty;

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty;

Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển TDT, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận trả cổ tức cho năm 2018 là 15% và dự kiến mức cổ phiếu chi trả cho năm 2019 là 15-20%.

11. Tình hình tài chính

- Vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Bảng 11. Vốn điều lệ qua các năm

Đơn vị: Đồng

Năm	Vốn điều lệ
2012	12.000.000.000
2013	16.000.000.000
2015	26.400.000.000
2016	43.560.000.000
8/2017	50.094.000.000
12/2017	80.150.400.000

Nguồn: CTCP Đầu tư và phát triển TDT

- Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty được lấy từ nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Nguồn vốn chủ sở hữu và thặng dư vốn cổ phần của Công ty qua các năm từ 2017 đến nay có xu hướng gia tăng. Chi tiết nguồn vốn kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng 12. Tình hình vốn kinh doanh qua các năm

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	30/6/2019
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	80.150.400.000	80.150.400.000	80.150.400.000
Thặng dư vốn cổ phần	0	0	0
Quỹ đầu tư phát triển	0	0	0
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	14.164.568.577	25.178.264.667	32.632.570.237
Tổng cộng	94.314.968.577	105.328.664.667	112.782.970.237

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2018, BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2019)

- Trích khấu hao tài sản cố định**Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình****Nguyên giá**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/4/2013.

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Bảng 13. Thời gian khấu hao của TSCĐ hữu hình

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (Năm)
Nhà xưởng, vật dụng kiến trúc	05-15
Máy móc, thiết bị	03-10

Phương tiện vận tải	06-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-06
Tài sản cố định khác	03-05
Quyền sử dụng đất	49

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình của Công ty được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị quyền sử dụng đất tại các cửa hàng, nhà máy, trụ sở công ty

Khấu hao

Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Thời gian khấu hao là từ 30 đến 50 năm.

Phần mềm tự động hóa và phần mềm quản lý các xưởng khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao là 4-7 năm.

- Mức lương bình quân:

Mức lương bình quân của công ty trong năm 2018 đối với người quản lý là 29,95 triệu đồng/người/tháng và với người lao động là 8,596 triệu đồng/người/tháng so với năm 2017 là 6.072.298 đồng/người/tháng. Như vậy mức thu nhập bình quân gia tăng hơn 41%. Mức lương bình quân này được đánh giá là ở mức tương đối trong ngành

- Thanh toán các khoản nợ đến hạn:

Công ty thanh toán đúng và đầy đủ các khoản nợ đến hạn, không có nợ quá hạn tính đến thời điểm 31/12/2018 và thời điểm lập Bản cáo bạch này.

- Các khoản phải nộp theo luật định:

Công ty luôn tuân thủ các nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật, thực hiện nộp đúng và đủ các loại thuế.

Bảng 14. Các khoản phải nộp theo luật định

Đơn vị tính: Đồng

Khoản mục	31/12/2017	31/12/2018	30/6/2019
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.161.597.403	1.942.141.591	1.645.938.948
Thuế thu nhập cá nhân	322.789.831	943.107.026	216.051.797
Thuế khác	397.495.287	23.516.049	151.679.148

Tổng cộng	1.881.882.521	2.908.764.666	2.013.669.893
------------------	----------------------	----------------------	----------------------

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2018, BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2019)

- Trích lập các quỹ theo luật định:

Cho đến thời điểm hiện tại, Công ty chưa thực hiện trích lập các quỹ. Trong các năm qua, Công ty tập trung bổ sung nguồn lực đầu tư phát triển, mở rộng hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Tổng dư nợ phải trả của Công ty trong những năm gần nhất:

Công ty không có nợ vay quá hạn tại ngày 31/12/2017, 31/12/2018 và 30/6/2019.

- Tình hình công nợ hiện nay:

✓ **Nợ phải thu**

Bảng 15. Các khoản nợ phải thu

Đơn vị tính: Đồng

	31/12/2017	31/12/2018	30/6/2019
Phải thu ngắn hạn	38.698.781.435	35.281.501.300	38.910.018.593
Phải thu từ khách hàng	30.948.160.187	23.352.824.169	23.752.425.118
Trả trước cho người bán	671.059.873	4.321.036.291	3.645.216.051
Phải thu về cho vay ngắn hạn	6.888.000.000	1.987.000.000	2.137.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	191.561.375	5.620.640.840	9.375.377.424
Phải thu dài hạn	-	1.690.000.000	1.690.000.000
Tổng	38.698.781.435	36.971.501.300	40.600.018.593

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2018, BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2019)

✓ **Nợ phải trả**

Bảng 16. Các khoản nợ phải trả

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	30/6/2019
Nợ ngắn hạn	102.193.130.728	138.400.828.772	152.660.496.782
Phải trả người bán ngắn hạn	11.843.026.542	22.592.866.106	24.755.385.909
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	-	69.600.863	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	813.221.973	405.477.366	837.652.704
Phải trả người lao động	5.597.961.450	7.577.815.903	5.521.117.798
Chi phí phải trả ngắn hạn	113.982.604	30.537.499	181.916.666
Phải trả ngắn hạn khác	1.511.780.333	1.382.488.817	2.964.161.688
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	82.313.157.826	106.342.042.218	117.896.696.724
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	503.565.293

Nợ dài hạn	12.674.733.656	6.449.323.377	8.546.835.763
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	12.674.733.656	6.449.323.377	8.546.835.763
Tổng cộng	114.867.864.384	144.850.152.149	161.207.332.545

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2018, BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2019)

12. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 17. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2017	Năm 2018
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (=TS/Nợ NH)	Lần	1,29	1,28
- Hệ số thanh toán nhanh (=TS-Hàng tồn kho)/Nợ NH)	Lần	0,56	0,39
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số nợ/tổng tài sản	Lần	0,55	0,58
- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	Lần	1,22	1,38
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho (=Giá VHB/hàng tồn kho bq)	Lần	2,69	2,28
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	1,04	1,14
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	5,74	7,23
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH	%	13,17	19,59
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS	%	5,94	8,25
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/ Doanh thu thuần	%	6,17	7,73
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	đồng	2.499	2.574

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2018, BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2019)

Hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2018 là 1,28 giảm nhẹ so với năm 2017 do Nợ ngắn hạn năm 2018 tăng 36 Đồng so với năm 2017. Trong khi tài sản ngắn hạn 2018 tăng 45 Đồng khiến cho Hệ số thanh toán ngắn hạn của doanh nghiệp không có nhiều biến động. Hệ số thanh toán ngắn hạn này phản ánh 1 đồng nợ ngắn hạn của Công ty được đảm bảo bằng 1,28 đồng Tài sản ngắn hạn. Do đặc thù của ngành nghề kinh doanh, năm 2017 và 2018 chỉ số ngắn hạn đều lớn hơn 1 nhưng không quá cao, đảm bảo khả năng trả nợ ngắn hạn của doanh nghiệp tốt.

Hệ số thanh toán nhanh cũng có xu hướng giảm như Hệ số thanh toán ngắn hạn. Hệ số thanh toán nhanh của năm 2018 là 0,39, năm 2017 là 0,56, vậy là năm 2018 giảm tương đối so với năm 2017. Nguyên nhân là do Hàng tồn kho của năm 2018 tăng 49 Đồng so với năm 2017.

Hệ số Nợ/Tổng tài sản năm 2018 tăng nhẹ so với năm 2017. Mặc dù giá trị Tổng tài sản năm 2018 có xu hướng tăng so với năm 2017, tuy nhiên do tốc độ tăng của Tổng tài sản cao hơn tốc độ tăng của Nợ phải trả dẫn đến Hệ số Nợ/Tổng tài sản của năm 2018 tăng so với năm 2017.

Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu năm 2018 là 1,38, tăng so với năm 2017. Công ty cần lưu ý cân đối về mặt tài chính.

Vòng quay hàng tồn kho của năm 2018 là 2,28 thấp hơn so với năm 2017. Mặc dù Giá vốn hàng bán của Công ty tăng 44 Đồng tương ứng với hơn 30%, tuy nhiên lượng hàng tồn kho năm 2018 tăng giảm 41% so với năm 2017 mặc dù giá thành phẩm đã tăng tỷ lệ so với giá vốn. Điều này cho thấy nhu cầu thị trường là rất lớn và cầu vẫn lớn hơn cung. Đây là dấu hiệu cho doanh nghiệp tiếp tục đầu tư phát triển.

Doanh thu thuần/Tổng tài sản của năm 2018 là 114%, chỉ tiêu này phản ánh với 1 đồng tài sản có thể tạo ra 1,14 đồng Doanh thu thuần. Doanh thu thuần/Tổng tài sản của năm 2018 tăng 10% so với năm 2017 cho thấy hiệu suất sử dụng tài sản của Công ty đang tốt lên.

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời: Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần, Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu, Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản và Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2018 đều có xu hướng tăng so với năm 2017 cho thấy hiệu quả kinh doanh của năm 2018 đang tốt hơn năm 2017.

13. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

13.1. Hội đồng quản trị

Bảng 18. Danh sách Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Chu Thuyên	Chủ tịch HĐQT- Tổng Giám đốc
Nguyễn Việt Thắng	Phó chủ tịch HĐQT - Phó Tổng Giám đốc
Đặng Đình Vụ	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc
Phạm Thái Hòa	Thành viên HĐQT - Kế Toán trưởng
Dương Ngọc Hải	Thành viên HĐQT
Đỗ Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT
Phan Mạnh Hà	Thành viên HĐQT

a. Ông Chu Thuyên - Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc Công ty

- Họ và tên:	Chu Thuyên
- Giới tính:	Nam
- Năm sinh	31/12/1970

- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	090717906
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Tổ 21 - P.Phan Đình Phùng - TP Thái Nguyên
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Luật
- Quá trình công tác:	
2002 - 10/2004	Trưởng nhóm vật tư, Công ty may Thái Nguyên
10/2004 - 08/2007	Giám đốc Xí nghiệp Vật tư vận tải - Công ty CP đầu tư và thương mại TNG
08/2007 - 03/2011	Giám đốc trung tâm thời trang TNG - Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại TNG
03/2011 - 11/2016	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển TDT
11/2016 – nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	1.265.000 cổ phần tương đương 15,78% VDL
- Số cổ phần đại diện sở hữu	0 cổ phiếu
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Nguyễn Thị Phượng (Vợ): 100.000 cổ phiếu (Chiếm 1,25%)
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không

b. Ông Nguyễn Việt Thắng - Phó chủ tịch Hội đồng quản trị- Phó Tổng Giám Đốc

- Họ và tên:	Nguyễn Việt Thắng
- Giới tính:	Nam
- Năm sinh:	1975
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	090717849
- Địa chỉ thường trú:	Tổ 11, Phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ Quản trị Kinh Doanh
- Quá trình công tác:	
1995 - 12/2004	Trưởng Đại diện Hãng tàu OOCL Công ty Liên doanh vận tải Việt Pháp (Gematrans) tại Hà Nội
01/2005 - 03/2011	TV HĐQT - Trưởng phòng kinh doanh Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
03/2011 – nay	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển TDT
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó tổng GD
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	820.000 cổ phần tương đương 10,23% VDL
- Số cổ phần đại diện sở hữu	0 cổ phiếu
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Nguyễn Huy Quát - Bố nắm 25.000 cổ phiếu (Chiếm 0,31%) Trần Thị Thùy - Mẹ nắm 25.000 cổ phiếu (Chiếm 0,31%)
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không

c. Ông Đặng Đình Vụ - Thành viên Hội đồng quản trị - Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên:	Đặng Đình Vụ
- Giới tính:	Nam
- Năm sinh:	1961
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	090449137
- Địa chỉ thường trú:	Tổ 07 P.Trung Vương - TP Thái Nguyên- tỉnh Thái Nguyên
- Trình độ chuyên môn:	Trung cấp Cơ điện
- Quá trình công tác:	
1982 - 12/2005	Công nhân cơ điện công ty CP đầu tư và thương mại TNG
01/2006 - 12/2008	Trưởng phòng quản lý thiết bị xí nghiệp công ty CP đầu tư và thương mại TNG
01/2009- 12/2014	Giám đốc xí nghiệp công ty CP đầu tư và thương mại TNG
01/2014 - 12/2015	TVHĐQT công ty CP đầu tư và phát triển TDT
01/2016 – nay	TVHĐQT - Phó tổng giám đốc công ty CP đầu tư và phát triển TDT
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thành viên HĐQT -PGĐ
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	90.000 cổ phần tương đương 1,01% VDL
- Số cổ phần đại diện sở hữu	0 Cổ phần
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không

d. Ông Phạm Thái Hòa - Thành viên Hội đồng quản trị - Kế toán trưởng

- Họ và tên:	Phạm Thái Hòa
- Giới tính:	Nam
- Năm sinh:	1982
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	090752537
- Địa chỉ thường trú:	Trạm y tế Đường sắt- Thành phố Thái Nguyên- tỉnh Thái Nguyên
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:	
10/2008 - 04/2010	Nhân viên phòng kế toán Công ty CP đầu tư và thương mại TNG
05/2010- 02/2011	Phó phòng kế toán Công ty CP đầu tư và thương mại TNG
03/2011- 06/2011	Trưởng phòng Kế toán Công ty CP đầu tư và thương mại TNG
07/2011 - 06/2014	Kế toán trưởng Công ty CP đầu tư và phát triển TDT
06/2014 – nay	TV HĐQT, Kế toán trưởng Công ty CP đầu tư và phát triển TDT
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thành viên HĐQT - Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	160.000 cổ phần tương đương 1,99% VDL
- Số cổ phần đại diện sở hữu	Không
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không

e. Ông Dương Ngọc Hải - Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên:	Dương Ngọc Hải
- Giới tính:	Nam
- Năm sinh:	1982
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	090762190
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Tổ 18, phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.
- Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:	
2006 - 10/2008	Cán bộ Sở khoa học và công nghệ Tỉnh Thái Nguyên
10/2008 - 07/2015	Chủ tịch Hội Đồng thành viên Công ty TNHH Công nghệ thông tin H3T
08/2015 - 08/2016	Chủ tịch HĐQT Công ty In Thái Nguyên
08/2016 – nay	Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị - Công ty Cổ phần TPS Thái Nguyên
05/2018 – nay	Thành viên Hội Đồng Quản trị Độc lập - Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển TDT
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thành viên HĐQT độc lập Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị Công Ty TPS Thái Nguyên
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	20.000 cổ phần tương đương 0,25% VDL
- Số cổ phần đại diện sở hữu	Không
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không

- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không

f. Ông Đỗ Mạnh Hùng - Thành viên Hội Đồng Quản trị

- Họ và tên:	Đỗ Mạnh Hùng
- Giới tính:	Nam
- Năm sinh:	1958
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	090028252
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Tổ 3, P. Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân toán
- Quá trình công tác:	
1979-1981	Giáo viên Trường Sư phạm bồi dưỡng Bắc Thái
1982-1997	Bí thư tinh đoàn Thái Nguyên
1997-2000	Giám đốc đài truyền hình tỉnh Thái Nguyên
2000-2004	Bí Thư huyện ủy Phú Lương - Thái Nguyên
2005-2006	Bí Thư Đảng ủy khối Dân- Chính - Đảng TN
2006-2007	Hiệu trưởng trường Chính trị Tỉnh Thái Nguyên
2007-2011	Phó trưởng đoàn Đoàn Đại biểu Quốc hội Tỉnh Thái Nguyên
2011-2016	Phó chủ nhiệm Ủy ban các vấn đề Xã hội Quốc hội VN
2016-2018	Phó chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội Việt Nam
07/04/2019 – Nay	Thành viên HĐQT - CTCP Đầu tư và phát triển TDT
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không

- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	47.800 cổ phần tương đương 0,6% VDL
- Số cổ phần đại diện sở hữu	Không
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không

g. Ông Phan Mạnh Hà - Thành viên HĐQT

- Họ và tên:	Phan Mạnh Hà
- Giới tính:	Nam
- Năm sinh:	1979
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	001079010155
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Duyên Thái, Thường Tín, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn:	
- Quá trình công tác:	
2002 - 12/2006	Trưởng phòng KD Công ty Cổ phần Tara
01/2006 - 12/2010	Trưởng nhóm Giao dịch khách hàng cao cấp Công ty cổ phần chứng khoán Kim Long
1/2010 - 8/2014	Giám đốc môi giới Công ty cổ phần chứng khoán Navibank
9/2014 - nay	Giám đốc kinh doanh Công ty Cổ phần chứng khoán Vndirect
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Giám đốc kinh doanh Công ty Cổ phần chứng khoán Vndirect

- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	47.800 cổ phần tương đương 0,6% VDL
- Số cổ phần đại diện sở hữu	Không
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không

g. Ông Phan Mạnh Hà - Thành viên HĐQT

- Họ và tên:	Phan Mạnh Hà
- Giới tính:	Nam
- Năm sinh:	1979
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	001079010155
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Duyên Thái, Thường tín, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn:	
- Quá trình công tác:	
2002 - 12/2006	Trưởng phòng KD Công ty Cổ phần Tara
01/2006 - 12/2010	Trưởng nhóm Giao dịch khách hàng cao cấp Công ty cổ phần chứng khoán Kim Long
1/2010 - 8/2014	Giám đốc môi giới Công ty cổ phần chứng khoán Navibank
9/2014 - nay	Giám đốc kinh doanh Công ty Cổ phần chứng khoán Vndirect
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Giám đốc kinh doanh Công ty Cổ phần chứng khoán Vndirect

- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	0 cổ phần tương đương 0% VDL
- Số cổ phần đại diện sở hữu	Không
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không

13.2. Ban Kiểm soát

Bảng 19. Danh sách Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Nguyễn Huy Hoàng	Trưởng ban Kiểm soát
Đỗ Ngọc Tuyền	Ủy viên Ban Kiểm soát
Hà Thị Thu	Ủy viên Ban Kiểm soát

a. Ông Nguyễn Huy Hoàng - Trưởng Ban Kiểm soát

- Họ và tên:	Nguyễn Huy Hoàng
- Giới tính:	Nam
- Năm sinh:	01/10/1955
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	090022815
- Địa chỉ thường trú:	Tổ 14 phường Phan Đình Phùng TP Thái Nguyên tỉnh Thái Nguyên
- Trình độ văn hóa:	10/10
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế (CN, kế toán doanh nghiệp)
- Quá trình công tác:	
2000 - 01/2003	Phó Giám đốc Công ty May Thái Nguyên
01/2003 - 12/2005	Phó tổng giám đốc, thành viên HĐQT Công ty Cổ phần

	đầu tư và thương mại TNG
01/2006 - 12/2010	Phó tổng giám đốc, Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại TNG
01/2011 - 12/2011	Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại TNG
01/2012 – nay	Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển TDT
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Trưởng ban Kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	330.000 cổ phần tương đương 4,12% VDL
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Nguyễn Huy Quát - Anh trai nắm 25.000 cổ phiếu (Chiếm 0,31%) Nguyễn Phương Thảo - Con ruột nắm 10.380 cổ phiếu (Tỷ lệ nắm giữ 0,13%)
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không

b. Ông Đỗ Ngọc Tuyền - Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên:	Đỗ Ngọc Tuyền
- Giới tính:	Nam
- Năm sinh:	1980
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	090833848
- Địa chỉ thường trú:	Tổ 18 phường Phan Đình Phùng - TP Thái Nguyên- tỉnh Thái Nguyên
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân quản lý nhân lực

- Quá trình công tác:	
2002- 05/2005	Nhân viên phòng Tổ chức công ty CP Bê tông và Xây dựng TN
06/2005 - 06/2006	Nhân viên Phòng Tổ chức công ty CP may XK Thái Nguyên
07/2006 - 08/2007	Phó phòng Phòng Tổ chức công ty CP may XK Thái Nguyên
09/2007 - 11/2007	Phó phòng Phòng Tổ chức công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG
12/2007 - 05/2010	Nhân viên Phòng Tổ chức công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG
06/2010 - 08/2010	Trưởng phòng Phòng Tổ chức Chi nhánh TNG 4 - công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG
09/2010 - 12/2010	Phó phòng Phòng Tổ chức công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG
01/2011 - 04/2011	Trưởng phòng Phòng Tổ chức công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG
05/2011 – nay	Thành viên BKS, Trưởng phòng tổ chức công ty CP Đầu tư và phát triển TDT
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thành viên Ban kiểm soát kiêm Trưởng phòng tổ chức Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	20.000 cổ phần tương đương 0,25% VDL
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	0 Cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không

c. Bà Hà Thị Thu - Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên:	Hà Thị Thu
- Giới tính:	Nữ
- Năm sinh:	1984
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	090780197
- Địa chỉ thường trú:	Tổ 39, Phường Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:	
06/2006 - 12/2010	NV Kinh Doanh Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG
01/2011 -08/2014	TP Kinh Doanh Chi nhánh nhà máy TNG Sông Công Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG
09/2014 – nay	TP Kinh Doanh - Thành viên BKS Công ty CP Đầu tư và phát triển TDT
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thành viên BKS - Trưởng phòng Kinh doanh
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	30.000 cổ phần tương đương 0,37% VDL
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Hà Thị Thùy Anh - Chị gái nắm 20.000 cổ phiếu (Chiếm 0,25%)
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không

13.3. Ban Tổng Giám đốc

Bảng 20. Danh sách Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
-----------	---------

Chu Thuyên	Tổng Giám đốc
Nguyễn Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Đặng Đình Vụ	Phó Tổng Giám đốc

- a. Ông Chu Thuyên - Tổng Giám Đốc: SYLL ở phần Hội đồng quản trị
 b. Ông Nguyễn Việt Thắng - Phó Tổng Giám Đốc: SYLL ở phần Hội đồng quản trị
 c. Ông Đặng Đình Vụ - Phó Tổng Giám Đốc: SYLL ở phần Hội đồng quản trị

13.4. Kế toán trưởng

- ❖ Ông Phạm Thái Hòa - Kế toán trưởng: SYLL ở phần Hội đồng quản trị

14. Tài sản

Bảng 21. Danh sách giá trị tài sản Công ty tại thời điểm 31/12/2018

Đơn vị tính: Đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	109.539.944.395	56.325.334.853	53.214.609.542
- Nhà cửa, vật kiến trúc	48.005.256.569	17.024.102.068	30.981.154.501
- Máy móc, thiết bị	54.447.073.486	34.626.414.738	19.820.658.748
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5.098.166.219	3.821.026.887	1.277.139.332
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.735.615.970	853.791.160	1.135.656.961
- TS cố định hữu hình khác	253.832.151	253.832.151	-
Tài sản cố định vô hình	-	-	-
Tổng cộng	109.539.944.395	56.325.334.853	53.214.609.542

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2018 - CTCP Đầu tư và phát triển TDT)

15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Bảng 22. Kế hoạch Doanh thu và Lợi nhuận năm 2019

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2019	Tỷ lệ tăng giảm so với 2018
Doanh thu thuần	356.500	285.538
Lợi nhuận sau thuế	27.900	20.631
Cổ tức	Dự kiến 15%-20%	n/a

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển TDT)

Cơ sở thực hiện kế hoạch doanh thu và lợi nhuận:

Năm 2018 TDT phát huy thế mạnh sẵn có về dây chuyền sản xuất và đội ngũ lao động hành nghề đã đạt được 80% mục tiêu đề ra. Trong năm 2019, nhờ có sự thay đổi về thị trường may mặc thế

giới khi chiến tranh thương mại Mỹ Trung nổ ra, doanh nghiệp kỳ vọng mở rộng vùng kinh doanh của mình

Các giải pháp thực hiện:

• **Giải pháp về thị trường:**

- Xây dựng chiến lược phát triển thị trường sản phẩm, tập trung phát triển ở những thị trường khách hàng trọng điểm: công ty sẽ đăng ký tham dự 03 triển lãm may mặc tổ chức tại Việt Nam và nước ngoài để tiếp thị và tìm kiếm đối tác mới

- Duy trì và cải thiện mối quan hệ tốt với các khách hàng lâu năm thông qua các chiến dịch chăm sóc khách hàng như các khách hàng Mỹ, Châu Âu, Hàn Quốc.....

- Mở rộng phân khúc sản phẩm FOB chi định và tiến tới là FOB tự search để đạt được biên lợi nhuận cao hơn

• **Các giải pháp về sản xuất và cung cấp dịch vụ**

- Nghiên cứu để đưa ra quy trình sản xuất tối ưu, giảm thất thoát nguyên vật liệu

- Nâng cao năng suất làm việc của nhân công, giảm thời gian thực hiện giữa các khâu để từ đó nhận thêm đơn hàng, tăng doanh thu.

• **Các giải pháp về tài chính**

- Nâng cao trình độ nghiệp vụ cho đội ngũ kế toán, giám sát chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh, kiểm soát công nợ và thời hạn thanh toán;

- Xác định chính xác nhu cầu vốn theo hướng chủ động tài chính, bảo toàn và phát triển vốn, đảm bảo huy động vốn, sử dụng vốn hiệu quả

• **Các giải pháp về kỹ thuật - an toàn**

- Cập nhật các thành tựu kỹ thuật mới trong ngành

- Chủ động xây dựng kế hoạch đổi mới trang thiết bị sản xuất để giảm thiểu thất thoát điện năng

- Duy trì các hoạt động quản lý an toàn, phòng chống cháy nổ

- Xây dựng hệ thống thông tin trong toàn Công ty

16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty cổ phần chứng khoán FPT đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển TDT.

Nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thì kế hoạch lợi nhuận và cổ tức mà Công ty đưa ra là có tính khả thi như kế

hoạch, đảm bảo nguồn lợi nhuận giữ lại để tiếp tục tái đầu tư nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng trong tương lai.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

17. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu và giao dịch trên thị trường có tổ chức

Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển TDT là công ty đại chúng đã niêm yết tại sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội, vì vậy sau khi hoàn tất việc phát hành tăng vốn Công ty sẽ tiến hành đăng niêm yết bổ sung số cổ phiếu phát hành tăng vốn trên sàn giao dịch HNX trong vòng 30 ngày sau khi hoàn thành đợt chào bán theo đúng quy định của pháp luật.

18. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành

Không có

19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu chào bán

Không có

V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông, tự do chuyển nhượng.

2. Mệnh giá

Mệnh giá cổ phiếu phát hành là 10.000 đồng/cổ phần (Mười nghìn đồng/cổ phần).

3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán

Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán: **3.606.768** cổ phiếu. Trong đó:

3.1. Chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu

Số lượng cổ phiếu chào bán: 2.404.512 cổ phiếu;

Tỷ lệ cổ phiếu chào bán: 10:03 (Tại ngày chốt danh sách cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu của Công ty được quyền mua thêm 3 cổ phiếu phát hành thêm)

3.2. Phát hành cổ phiếu trả cổ tức

Số lượng cổ phiếu phát hành: 1.202.256 cổ phiếu

Tỷ lệ phát hành: 100:15 (Tại ngày chốt danh sách cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu của Công ty được quyền nhận thêm 15 cổ phiếu phát hành thêm)

Nguồn sử dụng: Nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thời điểm 31/12/2018 trên báo cáo tài chính kiểm toán 2018.

Phương án xử lý cổ phiếu lẻ trong đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức:

- ✓ Phương án làm tròn: Số lượng cổ phiếu phát hành để trả cổ tức cho mỗi cổ đông sẽ được làm tròn xuống hàng đơn vị, số cổ phiếu lẻ hàng thập phân (nếu có) sẽ bị hủy bỏ và không phát hành.

Ví dụ: Tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông A sở hữu 133 cổ phiếu sẽ được nhận cổ tức bằng cổ phiếu là $133 \times 15 : 100 = 19,95$ cổ phiếu mới. Theo nguyên tắc làm tròn nêu trên, cổ đông A sẽ được nhận cổ tức bằng cổ phiếu là 19 cổ phiếu mới và 0,95 cổ phiếu sẽ bị hủy bỏ.

- ✓ Phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Số cổ phiếu lẻ sẽ bị hủy bỏ.

4. Giá chào bán dự kiến

Giá chào bán dự kiến: 10.000 đồng/cổ phiếu.

5. Phương pháp tính giá

Nguyên tắc xác định giá phát hành:

a. Giá trị sổ sách một cổ phiếu của công ty tại thời điểm 31/03/2019:

$$\text{Giá trị sổ sách mỗi cổ phần} = \frac{109.322.832.977}{8.015.040} = 13.639 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

b. Theo phương pháp giá trị thị trường:

Hiện cổ phiếu TDT đang được thực hiện niêm yết trên HNX. Giá giao dịch bình quân 03 tháng gần nhất tính từ ngày 15/03/2019 đến ngày 15/05/2019 là 12.133 đồng/cổ phiếu.

Giá cổ phiếu của Công ty sau phát hành sẽ chịu tác động của việc phát hành thêm 30% cổ phiếu mới so với vốn điều lệ hiện tại dẫn đến sự pha loãng của cổ phiếu, mặt khác thị trường chứng khoán hiện tại chưa phục hồi và bị nhiều yếu tố vĩ mô tác động tiêu cực đến tâm lý nhà đầu tư. Trên cơ sở đánh giá các mức giá và yếu tố trên và để đảm bảo sự thành công cho đợt phát hành, HĐQT đề xuất mức giá chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phiếu.

6. Phương thức phân phối

Đối với các cổ đông đã lưu ký chứng khoán: Phân phối thông qua Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và các thành viên lưu ký.

Đối với các cổ đông chưa lưu ký chứng khoán: Phân phối tại trụ sở CTCP Đầu tư và phát triển TDT.

Thời điểm cụ thể chốt danh sách cổ đông được quyền mua cổ phiếu phát hành thêm sẽ được Công ty công bố tới tất cả các cổ đông trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày Công ty nhận

được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

7. Thời gian phân phối cổ phiếu

Thời gian chào bán và phân phối cổ phần cho cổ đông hiện hữu dự kiến sẽ được thực hiện trong Quý III, IV/2019 và trong vòng 90 ngày kể từ ngày được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép chào bán.

Sau khi nhận được Quyết định chấp thuận phương án phát hành của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước, Công ty cổ phần ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT thực hiện phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Dự kiến thời gian như sau:

STT	Hạng mục	Thời gian
1	Ủy ban Chứng khoán cấp giấy chứng nhận phát hành	D
2	Công bố thông tin phát hành	D+3
3	Thông báo VSD về ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu mới phát hành thêm	D+1
4	Chốt danh sách cổ đông	D + 14
5	VSD gửi danh sách chốt cho Công ty (Danh sách phân bổ quyền mua cổ phiếu phát hành thêm của cổ đông hiện hữu)	D+ 20
6	Công ty gửi công văn chấp thuận cho VSD	D + 21
7	Các cổ đông thực hiện đăng ý mua, chuyển nhượng quyền mua và nộp tiền mua cổ phiếu: - Cổ đông đã lưu ký: nộp tiền thông qua Công ty chứng khoán nơi mở tài khoản. - Cổ đông chưa lưu ký: nộp tiền vào tài khoản của PTX	D + 45
8	Báo cáo kết quả phát hành lên Ủy ban chứng khoán Nhà nước trên cơ sở danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu	D + 50
9	Thực hiện thay đổi Đăng ký kinh doanh	D + 55
10	Nộp hồ sơ đăng ký giao dịch bổ sung cho HNX	D + 60
11	Nộp hồ sơ đăng ký lưu ký bổ sung cho VSD	D + 60
12	Quyết định chấp thuận giao dịch bổ sung	D + 70
13	Công ty chọn ngày giao dịch đầu tiên cho cổ phiếu giao dịch bổ sung	

Bước 1: Thông báo quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu

Công ty phối hợp thực hiện chốt danh sách cổ đông với TTLKCKVN để lập danh sách người sở hữu cuối cùng đồng thời công bố thông tin về đợt phát hành trực tiếp tới các cổ đông trên phương tiện thông tin đại chúng. Sau ngày chốt danh sách cổ đông, Công ty phối hợp với TTLKCKVN phân bổ và thông báo quyền nhận cổ phiếu phát hành từ nguồn thành viên chưa thực hiện lưu ký chứng khoán.

Bước 2: Thực hiện quyền mua cho cổ đông hiện hữu

Trên cơ sở Danh sách phân bổ quyền mua cổ phần do TTLKCKVN cung cấp, các thành viên lưu ký tổ chức cho các cổ đông đăng ký thực hiện quyền và nộp tiền mua cổ phiếu mới phát hành; đối với trường hợp cổ đông chưa lưu ký thì sẽ đăng ký và nộp tiền tại Công ty.

Các cổ đông trên danh sách sở hữu cuối cùng thực hiện đăng ký quyền mua cổ phần theo tỷ lệ quy định, thời gian cụ thể trên thông báo phát hành.

Bước 3: Kết thúc thời hạn thực hiện quyền

Chậm nhất 08 ngày làm việc sau ngày hết hạn đăng ký thực hiện quyền, TTLKCKVN gửi Danh sách tổng hợp nhà đầu tư đăng ký mua chứng khoán phát hành thêm đối với chứng khoán lưu lý cho Công ty và chuyển tiền vào tài khoản phong tỏa mà Công ty đã thông báo.

Bước 4: Phân phối chứng khoán

Kế hoạch phân phối chi tiết trong bảng kế hoạch trên.

Bước 5: Thông báo kết quả đợt phát hành

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt phát hành, Công ty tiến hành báo cáo kết quả tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Trong trường hợp sau khi có Giấy chứng nhận chào bán mà tình hình thực tế cần phải thay đổi thời gian dự kiến nêu trên thì HĐQT Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh phù hợp song vẫn đảm bảo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

- Thời hạn:

Theo quy định tối thiểu là 20 ngày. Công ty sẽ công bố chính thức thời hạn đăng ký mua khi Công ty được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Số lượng cổ phần đăng ký mua:

Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu là số lượng cổ phiếu được quyền mua theo tỷ lệ hoặc và số lượng cổ phiếu từ việc nhận chuyển nhượng quyền mua hoặc/và số cổ phiếu không bán hết được Hội đồng quản trị phân phối tiếp.

- Phương thức thanh toán:

Đối với cổ đông chưa thực hiện lưu ký: Cổ đông đăng ký mua tại Công ty Đầu tư và phát triển TDT đồng thời nộp tiền vào tài khoản phong tỏa.

Đối với cổ đông đã thực hiện lưu ký: Cổ đông đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu tại Công ty chứng Khoán nơi cổ đông mở tài khoản.

- Chuyển giao cổ phiếu:

Toàn bộ số lượng cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu sau khi thực hiện báo cáo kết quả chào bán cho UBCKNN, sẽ được đăng ký chứng Khoán bổ sung tại Trung tâm lưu ký chứng Khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch bổ sung tại HNX.

- Quyền lợi của người mua cổ phiếu: Cổ phiếu phát hành trong đợt chào bán này là cổ phiếu phổ thông.

- Thời hạn và cách thức trả lại tiền đặt mua cổ phiếu trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu: Không áp dụng

Trong trường hợp đợt chào bán không thành công hoặc không thu đủ số tiền như dự kiến, HĐQT đã có kế hoạch huy động từ nhiều nguồn khác nhau như vay vốn thương mại, vay vốn tín dụng của Ngân hàng....

9. Phương thức thực hiện quyền

- Đối với cổ phiếu chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu

Đối tượng phát hành: Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển TDT tại ngày chốt danh sách để chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.

Tỷ lệ chào bán: 30%. Vào ngày đăng ký cuối cùng, cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách sở hữu 100 cổ phiếu của Công ty tại ngày chốt danh sách được quyền mua thêm 30 cổ phiếu phát hành thêm.

- Các điều khoản khác liên quan đến quyền lợi của người sở hữu quyền mua cổ phiếu

Người sở hữu quyền mua có quyền từ chối mua toàn bộ hoặc mua một phần số lượng cổ phần chào bán theo quyền mua hoặc được tự do chuyển nhượng quyền mua của mình cho cổ đông hiện hữu theo danh sách cổ đông được quyền thực hiện quyền mua cổ phần phát hành mới này hoặc các nhà đầu tư khác và chỉ được chuyển nhượng một lần (người nhận chuyển nhượng quyền mua thì không được chuyển nhượng cho người thứ ba) trong thời gian thực hiện quyền.

Kết thúc thời gian thực hiện quyền, nếu quyền mua không được thực hiện một phần hoặc toàn bộ, tất cả các quyền lợi liên quan đến quyền mua sẽ đương nhiên chấm dứt và tổ chức phát hành không phải thanh toán cho người sở hữu quyền bất cứ một khoản chi phí nào, cũng như không chịu bất kỳ trách nhiệm nào trong việc không thực hiện quyền của cổ đông

10. Phương án xử lý cổ phần chưa phân phối hết và cổ phần lẻ phát sinh

Phương án xử lý cổ phiếu lẻ, cổ phiếu không chào bán hết cho cổ đông hiện hữu:

- ✓ Số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn và số cổ phiếu không chào bán hết được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đối tượng mua phù hợp với giá không thấp hơn giá bán cho các cổ đông hiện hữu.
- ✓ Cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn từ việc phân phối cho các cổ đông không bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại khoản 10 Điều 4 Thông tư 162/2015/TT-BTC.
- ✓ Cổ phiếu phân phối lại cho các đối tượng khác do cổ đông từ chối quyền mua bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Nghị định số 60/2015/NĐ-CP

11. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài

Căn cứ các ngành nghề kinh doanh của Công ty được đăng tải trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia theo địa chỉ:

<https://dichvuthongtin.dkkd.gov.vn/inf/Forms/Searches/EnterpriseInfo.aspx?h=43a8b>

Công ty đã thực hiện rà soát với danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện trong Phụ lục 4 - Luật đầu tư năm 2014. Theo đó Công ty tiếp tục thực hiện đối chiếu với dữ liệu tại Cổng thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài theo địa chỉ:

<https://dautunucngoai.gov.vn/fdi/nganhnghedautu/6> để xác định tỷ lệ sở hữu nước ngoài áp dụng đối với ngành nghề đầu tư kinh doanh mà Công ty đang hoạt động theo quy định pháp luật đầu tư, pháp luật liên quan và điều ước quốc tế.

Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu nước ngoài, thì Công ty áp dụng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49% theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP về bổ sung Điều 2a sau Điều 2 của Nghị định 58/2012, theo đó tỷ lệ sở hữu nước ngoài đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện của Công ty như sau:

Mã ngành	Tên ngành	Ngành nghề có điều kiện	Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan	Giới hạn tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài áp dụng

1410 (Chính)	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	Không		
1392	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	Không		
1393	Sản xuất thảm, chăn, đệm	Không		
1430	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	Không		
2220	Sản xuất sản phẩm từ plastic	Không		
4101	Xây dựng nhà để ở	Có	49%	49%
4102	Xây dựng nhà không để ở	Có	49%	49%
4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Xây dựng công trình khác không phải nhà; Chia tách đất với cải tạo đất (ví dụ: đắp, mở rộng đường, cơ sở hạ tầng công).)	Có	49%	49%
4620	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Loại trừ gạo, thuốc lá, đường mía và đường củ cải)	Không		
4632	Bán buôn thực phẩm (Loại trừ gạo, đường mía và đường củ cải)	Không		
4633	Bán buôn đồ uống	Không		
4641	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	Không		
4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Mỹ phẩm, đồ lưu niệm; Loại trừ bán buôn sách, báo và tạp chí)	Không		
4653	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	Không		
4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Máy móc, thiết bị lâm nghiệp, công nghiệp, văn phòng)	Không		
4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (phụ liệu may mặc và giày dép)	Không		
4751	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	Không		

4771	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	Không		
4931	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	Có	49%	49%
4932	Vận tải hành khách đường bộ khác (Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh)	Có	49%	49%
4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	Có	49%	49%
5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	Không		
5621	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	Không		
5630	Dịch vụ phục vụ đồ uống	Không		
7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển (Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp, công nghiệp, văn phòng không kèm người điều khiển)	Không		
8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Xuất nhập khẩu, ủy thác xuất nhập khẩu, giao nhận hàng hóa loại trừ xuất khẩu dầu thô, dầu đã qua chế biến và nhập khẩu thuốc lá, xi gà, báo, tạp chí, vật phẩm lưu trữ thông tin đã ghi âm, ghi hình)	Không		
8559	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Dạy nghề may công nghiệp)	Có	100%	100%
9620	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	Không		

Vậy, căn cứ quy định của Khoản 2 Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP về bổ sung Điều 2a sau Điều 2 của Nghị định 58/2012, mức tỷ lệ sở hữu đối với nhà đầu tư nước ngoài áp dụng với Công ty tối đa là 49%.

Theo danh sách cổ đông gần nhất ngày 19/03/2019, tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty là 0 cổ phiếu tương ứng với 0% vốn điều lệ.

12. Các hạn chế liên quan đến chuyển nhượng

Cổ đông chỉ được chuyển nhượng quyền mua 1 lần. Trường hợp cổ đông từ chối quyền mua cổ phiếu chào bán thêm, có thể chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho bên thứ 2 nhưng bên thứ 2 không được chuyển nhượng tiếp quyền mua cổ phiếu cho bên thứ 3.

13. Các loại thuế liên quan

Các loại thuế liên quan đến hoạt động của Công ty bao gồm các loại:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo giấy chứng nhận đầu tư số: 17121000095 cấp ngày 11/10/2011 do UBND tỉnh Thái Nguyên cấp và Quyết định điều chỉnh dự án của UBND tỉnh Thái Nguyên số: 2375/QĐ-UBND về việc điều chỉnh, bổ sung chứng nhận dự án đầu tư dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất hàng may sãn, chần, ga, gô, đệm tại xã Điem Thụy, huyện Phú Bình đã cấp cho Công ty CP đầu tư và phát triển TDT thực hiện, Công ty xác định ưu đãi đầu tư theo Nghị định 108/2006/NĐ-CP và Nghị định 124/2008/NĐ-CP. Tại mục 4 Điều 15, mục 3 Điều 16 Chương IV Nghị định 124/2008/NĐ-CP, thuế suất ưu đãi 20% trong vòng 10 năm, miễn thuế 02 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế. Tại mục 2 điều 20, chương V của nghị định 218/2013/NĐ-CP nêu rõ, tính đến hết kỳ tính thuế năm 2015 trường hợp doanh nghiệp có dự án đầu tư đang được áp dụng thuế suất ưu đãi là 20% quy định tại khoản 3 điều 15 nghị định này kể từ 01 tháng 01 năm 2016 được chuyển sang áp dụng thuế suất 17% cho thời gian còn lại. Công ty có thu nhập chịu thuế kể từ năm 2013, miễn thuế 02 năm là năm 2013 và 2014, giảm 50% số thuế phải nộp của 04 năm tiếp theo là năm 2015 đến 2018

- Thuế giá trị gia tăng (10%)

- Thuế Môn bài, Thuế nhà đất...

Thuế liên quan đến cổ phiếu chào bán:

Đối với nhà đầu tư cá nhân:

- Thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng cổ phiếu: theo quy định tại Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện thực hiện Luật thuế TNCN, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân. Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế của cả năm hoặc áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần đối với cá nhân cư trú. Đối với nhà đầu tư nước ngoài: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế TNCN 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng.

- Thu nhập từ cổ tức: Căn cứ Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 27/06/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập cá nhân, thu nhập từ cổ tức cũng được xem là thu nhập chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%.

Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ tức, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư mới phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự như trường hợp chuyển nhượng chứng khoán.

Đối với nhà đầu tư tổ chức:

- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

Theo quy định tại Luật thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2009 và Luật số 32/2013/QH13 được Quốc hội ban hành ngày 19/06/2013 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế TNDN 2008 thì thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20%.

- Thu nhập từ cổ tức: được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6, Điều 4 Luật Thuế TNDN 2008

14. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Tài khoản số: 115002691182

Tên tài khoản: Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển TDT

Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Công Thương - CN Thái Nguyên

15. Các cam kết liên quan đến đợt phát hành

Công ty cam kết phân phối cổ phiếu phát hành phù hợp với Quy định tại khoản 2 Điều 189 Luật doanh nghiệp 2014.

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán

Sử dụng làm vốn đối ứng dự án chi nhánh nhà máy Đại Từ của Công ty và bổ sung vào vốn lưu động

• Vốn đối ứng dự án chi nhánh nhà máy Đại Từ:

Xuất phát nhu cầu hàng may mặc ngày càng gia tăng, đặc biệt trong năm 2019, Công ty đã ký kết các hợp đồng sản xuất hàng may mặc có giá trị lớn mà nguồn tài trợ cho vốn lưu động của Công ty chủ yếu từ các nguồn vay ngắn hạn. Do đó, việc huy động vốn từ cổ đông để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh sẽ giúp giảm gánh nặng tài chính, tự chủ về vốn, nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Căn cứ:

- ✓ Quyết định chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy may TDT Đại Từ tại xóm Văn Khúc, xã Bình Thuận, Huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên cho CTCP Đầu tư và Phát triển TDT thực hiện số 105/QĐ-UBND ngày 15/01/2019 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Thái Nguyên;
- ✓ Quyết định số 2513/QĐ-UBND ngày 04/06/2019 của Ủy ban Nhân dân huyện Đại Từ về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết xây dựng Nhà máy may TDT Đại Từ, xã Bình Thuận, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên;
- ✓ Quyết định số 4440/QĐ-UBND ngày 26/07/2019 của Ủy ban Nhân dân huyện Đại Từ về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Nhà máy may TDT Đại Từ, xã Bình Thuận, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

- Tổng vốn đầu tư:

Theo Quyết định chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy may TDT Đại Từ tại xóm Văn Khúc, xã Bình Thuận, Huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên cho CTCP Đầu tư và Phát triển TDT thực hiện số 105/QĐ-UBND ngày 15/01/2019 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Thái Nguyên, Tổng vốn đầu tư khoảng: 70,342 tỷ đồng (Bảy mươi tỷ ba trăm bốn mươi hai triệu đồng)

Trong đó:

- ✓ Vốn chủ sở hữu: 31,496 tỷ đồng (chiếm 44,78% tổng mức đầu tư)
- ✓ Vốn vay: 38,845 tỷ đồng (chiếm 55,22% tổng mức đầu tư)

Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển TDT đã trình và được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên thông qua Tổng mức đầu tư Dự án chi nhánh nhà máy Đại Từ được thực hiện gồm 2 giai đoạn. Trong đó, tổng mức đầu tư của từng giai đoạn như sau:

Bảng 23: Tổng mức đầu tư dự kiến của Dự án

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Giai đoạn I	Giai đoạn II	Tổng cộng
I	Chi phí xây lắp	15.559	8.235	23.794
II	Chi phí máy móc thiết bị	17.505	17.505	35.010
III	Chi phí khác	7.447	741	8.188
IV	Chi phí dự phòng 5%	1.675	1.675	3.350
Tổng cộng		42.186	28.155	70.342

Nguồn: Công ty cổ phần đầu tư và phát triển TDT

- Vị trí dự án: Khu đất thuộc xóm Văn Khúc, xã Bình Thuận bám dọc đường ĐT261

- Tính chất: Là nhà máy chuyên sản xuất các loại quần áo được đầu tư xây dựng đồng bộ; tạo công ăn việc làm cho người lao động tại địa phương, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của tỉnh nói chung và huyện Đại Từ nói riêng.

- Hình thức đầu tư: Đầu tư mới với 100% vốn đầu tư doanh nghiệp trong nước

- Mục tiêu đầu tư: Xây dựng cơ sở sản xuất hàng may sẵn, đáp ứng nhu cầu về sản phẩm may mặc của người tiêu dùng

- Quy mô dự án:

- ✓ Tổng diện tích ranh giới quy hoạch khoảng: 4,93ha
- ✓ Quy mô sản xuất: Dự kiến khoảng 2 triệu sản phẩm may mặc/năm

- Thời gian hoạt động của dự án: 29 năm kể từ ngày được cấp Quyết định chủ trương đầu tư

- Thời gian và tiến độ dự kiến dự án:

Tiến độ dự án dự kiến theo Quyết định số 2513/QĐ-UBND ngày 04/06/2019 của Ủy ban Nhân dân huyện Đại Từ về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết xây dựng Nhà máy may TDT Đại Từ, xã Bình Thuận, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên như sau:

- ✓ Quý IV/2018 – Quý I/2019: Hoàn thành các thủ tục cấp Quyết định chủ trương Đầu tư, phê duyệt Quy hoạch tổng thể mặt bằng dự án.
- ✓ Quý II/2019: Hoàn thành công tác GPMB, công tác thuê đất, cấp giấy phép xây dựng.
- ✓ Quý III/2019 – Quý III/2020: Thi công xây dựng dự án.
- ✓ Quý IV/2020: Hoàn thành dự án.

Tuy nhiên do thời gian hoàn thành các thủ tục cấp Quyết định chủ trương Đầu tư, phê duyệt Quy hoạch tổng thể mặt bằng dự án kéo dài hơn dự kiến. Hiện nay, Công ty đang tiếp tục triển khai thực hiện các bước tiếp theo: Giải phóng mặt bằng, công tác thuê đất, xin giấy phép xây dựng. Công ty đang cố gắng đẩy nhanh tiến độ thực hiện các bước tiếp theo của dự án để đảm bảo hoàn thành dự án đúng thời gian dự kiến. Tiến độ thực tế như sau:

Các công việc đã hoàn thành:

- ✓ Quý IV/2018 - Quý I/2019: Hoàn thành các thủ tục cấp Quyết định chủ trương Đầu tư, phê duyệt Quy hoạch tổng thể mặt bằng dự án.
- ✓ Quý III/2019: Được phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng Nhà máy may TDT Đại Từ, xã Bình Thuận, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên theo Quyết định số 4440/QĐ-UBND ngày 26/7/2019 của Ủy ban Nhân dân huyện Đại Từ.

Dự kiến thực hiện:

- ✓ Quý III/2019 – Quý IV/2019: Hoàn thành công tác GPMB, công tác thuê đất, cấp giấy phép xây dựng.

Việc giải phóng mặt bằng chậm so với Quyết định chủ trương đầu tư số 105/QĐ-UBND ngày 15/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên là do công tác hoàn thiện các thủ tục giấy tờ pháp lý chuyển quyền sở hữu đất của các hộ dân sang Công ty trên thực tế kéo dài hơn so với dự kiến. Hiện nay, Công ty đang gấp rút hoàn thiện các hồ sơ giấy tờ theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền để hoàn tất quá trình giải phóng mặt bằng.

- ✓ Quý IV/2019 – Quý III/2020: Thi công xây dựng dự án
- ✓ Quý IV/2020: Hoàn thành dự án.

Trong giai đoạn tiến hành Thi công xây dựng dự án, Công ty tiến hành đồng thời các công tác triển khai mua sắm máy móc thiết bị, lắp đặt (Từ Quý IV/2019 đến hết Quý III/2020). Theo dự toán Tổng mức đầu tư của dự án là 70,342 tỷ đồng, trong đó Phần mua sắm máy móc thiết bị cần tổng cộng 35,010 tỷ đồng, Công ty sẽ dùng nguồn vốn từ phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu là 20 tỷ đồng để mua sắm máy móc thiết bị, phần còn lại Công ty sẽ huy động từ các nguồn vốn khác như Vốn tín dụng Ngân hàng hoặc các nguồn vốn khác của chủ sở hữu để đảm bảo đủ nguồn vốn thực hiện dự án.

• **Bổ sung vào vốn lưu động:**

Để đảm bảo tính chủ động trong việc điều phối vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh, giảm bị động do phụ thuộc vào nguồn vốn vay ngân hàng, Công ty thực hiện huy động thêm vốn của các cổ đông, bổ sung một phần vốn lưu động để chi trả tiền lương cho cán bộ nhân viên.

2. Sự cần thiết phải tăng vốn điều lệ

Doanh nghiệp cần đầu tư xây dựng tài sản cố định tránh gánh nặng chi phí tài chính với các khoản lãi vay của ngân hàng

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành

Số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu dự kiến là **24.045.120.000** đồng (*Hai mươi tư tỷ không trăm bốn mươi lăm triệu đồng một trăm hai mươi nghìn đồng*) của đợt phát hành nêu trên dự kiến sẽ dùng để làm vốn đối ứng dự án chi nhánh nhà máy Đại Từ của Công ty và bổ sung vào vốn lưu động. Chi tiết như sau:

Bảng 23: Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán

Đối tượng	Dự kiến sử dụng vốn từ đợt phát hành (VND)	Thời hạn thực hiện
Vốn đối ứng Dự án chi nhánh nhà máy Đại Từ:	20.000.000.000	Quý IV năm 2019 và Quý I/II năm 2020
- Mua máy móc thiết bị	20.000.000.000	Quý IV năm 2019 và Quý I/II/III năm 2020
Bổ sung vốn lưu động:	4.045.120.000	Quý IV năm 2019 và Quý I/II năm 2020
- Chi trả tiền lương cho cán bộ nhân viên	4.045.120.000	Quý IV năm 2019 và Quý I/II năm 2020
Tổng	24.045.120.000	

2. Phương án xử lý trường hợp không huy động đủ vốn

Trong trường hợp đợt chào bán không thành công hoặc không thu đủ số tiền như dự kiến, HĐQT đã có kế hoạch huy động từ nhiều nguồn khác nhau như vay vốn thương mại, vay vốn tín dụng của Ngân hàng, ... để đảm bảo nguồn vốn thực hiện dự án.

3. Phương án xử lý số cổ phiếu lẻ, số cổ phiếu không chào bán hết và số cổ phiếu lẻ phát sinh

Phương án xử lý cổ phiếu lẻ, cổ phiếu không chào bán hết cho cổ đông hiện hữu:

- ✓ Số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn và số cổ phiếu không chào bán hết được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đối tượng mua phù hợp với giá không thấp hơn giá bán cho các cổ đông hiện hữu.
- ✓ Cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn từ việc phân phối cho các cổ đông không bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại khoản 10 Điều 4 Thông tư 162/2015/TT-BTC.
- ✓ Cổ phiếu phân phối lại cho các đối tượng khác do cổ đông từ chối quyền mua bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Nghị định số 60/2015/NĐ-CP.

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Công ty TNHH PKF Việt Nam

Văn phòng Hà Nội: P.1501 Nhà 17T5 Hoàng Đạo Thủy Quận Thanh Xuân Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: +84 4 2221 0082

Fax: +84 4 2221 0084

TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

Trụ sở chính *bv*

Địa chỉ: 52 Lạc Long Quân, Q. Tây Hồ - Hà Nội

Điện thoại: 024.37737 070

Fax: 024.37739 058

Email: fptsecurities@fpts.com.vn Website: www.fpts.com.vn

Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 29 - 31 Nguyễn Công Trứ - Quận 1 - Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.2852 525

Fax: 028.9255 246

Chi nhánh tại TP Đà Nẵng

Địa chỉ: 100 Quang Trung - Phường Thạch Thang - Quận Hải Châu - TP. Đà Nẵng

Điện thoại: 0236. 3553 666

Fax: 0236. 3553 888

IX. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
2. **Phụ lục II:** Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị
3. **Phụ lục III:** Điều lệ tổ chức và hoạt động công ty
4. **Phụ lục IV:** Báo cáo tài chính kiểm toán và Báo cáo tài chính quý gần nhất
5. **Phụ lục V:** Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được của đợt chào bán gần nhất
6. Các phụ lục khác (nếu có).

Thái Nguyên, ngày 22 tháng 10 năm 2019

**TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TDT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - TỔNG GIÁM ĐỐC**



CHỦ TỊCH HĐQT
Chu Chuyên

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT
Nguyễn Huy Hoàng

KẾ TOÁN TRƯỞNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG
Phạm Thái Hòa

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT



GIÁM ĐỐC TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Nguyễn Thị Hạnh

